

Cửa sau

Ở mình nhà nào cũng có cửa sau. Mỗi khi đi xa, nhớ ba nhớ má, nhớ nhà, nhớ luôn cái gạch cửa trước, nhớ cái chái cửa sau. Rồi chợt hiểu vì mắc mớ gì mà người con gái xưa thắm lên chiều chiều ra đứng cửa sau để trông về quê mẹ để ruột đau chín chiều.

Ở nhà mình cũng có cái cửa sau. Cửa nhìn ra vườn cây xanh mướt, trắng loáng loáng ngoài kia là chòm má ông bà tổ tiên. Những chiều xa nhà, ngồi dưới đèn đi dọc theo các triền sông nhìn cửa sau của những ngôi nhà trầm lắng trong nắng héo. Không hiểu sao mình cảm thấy tội nghiệp mình ghê lắm. Người ta có nhà còn nghề nghiệp mình thì giang hồ mãi tận đâu đâu. Mình nhớ cửa sau nhà mình. Không phải chỉ là nơi để đi ra đi vào, cửa trở thành một khung tranh. Chị mình vẽ cảnh ngồi giặt áo trong cái nền sẫm đỏ của hoàng hôn. Ba mình vẽ vào khung một thân mình chắc nịch, đỏ au vì nắng gió trên đồng, những làn nước trong

vân trong vắt từ cái lu nước nhỏ bên cửa bắn tung tóe mỗi lần ba tấm. Bà nội mình ngồi trên cái đôn cửa bằng gỗ mù u, vẽ vào cửa sau một cái nhìn khác ngoài, ngoài vườn chiều kia, dưới trăng chiều kia có mộ ông, có mộ các chú nằm xuống khi tuổi còn rất trẻ. Nên mắt bà đã mờ mà như ướt lem nhem? Hay tại khói cay bay cao bay sà từ chiếc lò cà ràng, ùng ục nổi cảm heo sôi trên bếp? Trên khung tranh còn má mình chiều nào cũng ngồi dưới chái đằm từ cửa sau, trước mặt má là thúng rau, sịa ngò đang lật đở, bó đở. Tay má nhăn, tái xanh vì ngâm nước lâu, trán má nhăn vì lo toan, vất vả, chỉ có cái cười của má thì vui, vui lắm, vui không kể xiết. Nhất là khi má nhìn đứa cháu nhỏ xíu, ngong ngóng ở trường nháy lạch chạch trong cái thau nước đặt trên sàn lân (giống mình hồi nhỏ quá đi thôi). Cảnh đó, có phải mình không vậy ta, có phải mình đang ngồi chồm hóm trước nồi cơm đầy lợ, trong bức tranh chiều, dường như có tiếng cạo cơm cháy sồn sột và tiếng trẻ nít cười rân.

Đêm đầy sao, mở cửa sau chọt hương bông cau, bông bưởi ủa vào đầy ứ mũi. Muốn thờ chỉ sợ hương tan. Nghe con chim heo kêu nghe sợ mơ hồ, chạy cuống chạy cuống qua cửa rồi mà hương vẫn còn theo.

Cửa sau, với mình, ít nhiều mang cảm giác thiêng liêng của sự đằm ấm, sum vầy. Cho nên nhớ hoài, nhớ mãi, nhớ không thôi. Cái số mình, thầy bói nói, là số giang hồ, giang hồ vật.

Ra giữa đời, về phố chợ, đất chật, người đông, sau nhà không có cửa nứa. Bởi phía sau không trăng, không hương,

không người vẽ lên đó những bức tranh đậm ảm. Mà, ở đây cửa sau mang ý nghĩa khác mất rồi.

Người ta đưa hai tiếng cửa sau vào ngoặc kép, cửa sau làm nhà nước thất thoát hàng tỉ tỉ đồng, mồ hôi nhân dân đổ xuống nhiều hơn, nước mắt vì nỗi nhọc nhằn cạn đi (còn đâu nữa mà rơi). Cửa sau làm người ta không trọng nhau, không thương nhau, không tin nhau.

Cửa sau có muốn đâu, cửa muốn vẽ những bức tranh dung dị, bình thường về những con người bình thường, những cảnh vật bình thường.

Nhưng bây giờ người ta hay vẽ, một đám người chen nhau đứng đằng sau cánh cửa, quỳ trên tay chất vượt mặt, gõ cửa bằng chân. Cuộc sống có thể người ta mới vẽ thế. Buồn thiệt ha?

Không, cửa sau mình nhớ dứt khoát không phải vậy. Thiệt đó, tin mình đi.

Thư từ quê

Anh K.

Tôi vừa từ quê lên, Nam bộ đang vào đợt nắng nóng, da tôi đã đen lại càng đen hơn, coi kiếng nhìn vô chỉ thấy lấp lóa hàm răng. Quê mình giờ khác lắm, K. à.

Cái khác rõ ràng nhất là chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Anh coi báo, xem đài cũng biết. Người nông dân bao đời gắn bó với cây lúa bây giờ đang nôn nả cho nước mặn vào đồng để nuôi tôm. Lúa tôm đầu chết hàng loạt đã dội gáo nước lạnh vào bà con mình nhưng làm sao mà đập tắt được lửa lớn. Ai chứ, bà con mình nghèo đã bao đời rồi, chờ đợi cũng biết bao lâu rồi. Nên có nơi nầy làng xóm xuống đầm vớt tôm chết, nơi khác đang đào đắp cải tạo ao nuôi. Đi đâu, làm gì cũng nghe chuyện con tôm, hừng hực khí thế tổng tiến công vào cái nghèo dai dẳng.

Nhưng còn cái đổi khác nữa mà chỉ những anh em làm nghề suốt đời tong tã chuyện người ta như anh em chúng mình mới thấy. Thấy rồi dung không ngồi nuốt tiếc.

Tôi tiếc những liếp dừa, hàng cau bị đốn, tàu bẹ còn nằm ngổn ngang. Tiếc rặng tre mạnh tông sau nhà, tiếc cây công già, bụi trâm bầu ngoài hòng ao hồi nhỏ tụi mình hay ra đó cát nhà chòi chơi cúng cuội. Tiếc một hàng bạch đàn hôm rồi về giăng vông ngủ, bày đặt mở máy ghi âm coi có ghi được giọng nói nào từ cõi trên không. Tất cả, tất cả đều nằm chổng góc. Ông cậu đất ít, người lại đông nên tranh thủ tận dụng cả mấy cái ao, hố bom trong vườn để thả bẫy thêm ít tôm. Trời ở quê vẫn xanh rời rọi nhưng đất quê đã kém xanh rồi.

Tôi ngồi lai rai với ông cậu ngoài bờ chuối sát đầm tôm, cũng may là còn một bờ chuối thừa rinh thừa rảng để tránh nắng chiều. Cậu tôi mình còn ướt vừa ngồi ngóp xúc bùn dưới vương lên. Chưa hết xỉ rượ hai cậu cháu bắt đầu cãi lý với nhau. Mỗi người có tí tí cái lý. Cậu cho rằng phải hy sinh hết cho con tôm, sống mấy chục năm rồi chỉ hy vọng vô nó để đổi đời. Cậu nói rành mạch, để cây đó, lá rụng xuống đầm tình dầu nó tiết ra không tốt, nhứt là bạch đàn, trâm bông vàng... Tôi cãi (dốt cũng bày đặt cãi): "Cây dừa lá đâu mà đủ rụng xuống?". Cậu nói, cây dừa rể nó độc, lại ăn sâu làm gì mà không ngấm vô đất. Tôi cố vớt vát: "Vậy rể cây tre có độc hôn?". Cậu đố quạo: "Thằng, sao mày hỏi dân lân hoài vậy? Cây tre thì có lá tre, tao nói rồi, rụng xuống Đầm hồng tốt, hơn nữa, phải phát quang để cho gió nhiều, tạo sóng, có oxy cho sủ nó thở chớ mậy, mậy sao, hỏi dai như đĩa...".

Tôi bắt đầu nói cái lý của mình. Tôi nói ở quê khác với đô thị ra làm sao đối với những thằng như tụi mình. Là vì, ở quê, người ta có được cái cảm giác trong trẻo, mát lành,

yên ả, lúc nào trong tâm hồn cũng có nguồn cội, cây có chỗ che. Là vì, phần đông người ta từ quê đi ra, cái ký ức tuổi thơ tới già không phai được. Có bao giờ người ta lại muốn xa quê. Như tôi (và cả anh) lúc nào mà không thèm về nhà, ngồi dưới gốc vú sữa, khế khà tí rượu với cá lóc nướng rơm. Quanh mình tỏa ra một mùi khói thanh thóa. Mà, nói chữ quê hương thì hơi khó hình dung, nhưng xét cho cùng người ta nhớ tới quê là nhớ má (tất nhiên), rồi gì nữa? Một căn nhà lá gió thổi mát rượi. Và một mảnh vườn đầy cây trái, ổi xá lỵ, ô môi, xoài thanh ca, khế ngọt... Trưa xách cây chét ra vườn hái trái dứa, chặt ống trúc nhỏ ngồi hút thứ nước ngọt thanh tho mát lành đó. Mưa xập xoài, măng tre nhú lên mụt nào mụt nấy ú ì, chờ cao cỡ ba gang tay, má đi chợ mua giò heo về hầm một nồi canh, nước vàng óng như trắng một lớp mỡ. Lâu rồi, hể nói tới miệt vườn Tây Nam bộ ai cũng mừng tượng ra một đặc trưng kinh rạch và cây trái. Cà Mau là đất mặn, hồi đó chỉ có một nhúm cây trái thôi, bây giờ lại càng hiếm hoi nữa. Vườn trơ đất trắng, nước đầm đìa nước. Nắng pha phả vào mặt. Tôi hỏi cậu tôi có phải vì con tôm mà bà con mình đánh mất cái vẻ đẹp làng quê đã có bao đời. Cái ký ức đẹp mà những người xa xứ như tôi đêm ngày thương nhớ.

Cậu tôi cười, ông uống một hớp rượu, vấn một điếu thuốc, ra về trăm ngăm, ông bảo, thì ông cũng tiếc chớ, ông cũng đã gắn bó ở đây mấy chục năm rồi. Nhưng mấy coi, huê lợi từ vườn cộng với giá lúa rẻ bèo, tao nuôi hai đứa em mấy học ngoài thị xã còn muốn ná thờ, biết chừng nào mới khá.

Thấy trên đài người ta nuôi tôm giàu bắt ham, rồi nhà nước cho chủ trương, còn chờ gì nữa mà không tính chuyện đổi đời. Hồi đó, ông ngoại mầy với tao trồng cây ăn trái là cũng để cho sấp nhỏ sau này, bây giờ tao đốn thì nghĩ cũng cho tương lai con cháu sau này chứ đâu. Mà, cái thằng này, thiệt, uống tí rượu mà sanh tật, thân già tao không tiếc sao mấy ngòl tiếc mấy cái cây hoài vậy?

Tôi không nói gì nữa, anh K. Có gì mà nói, lời của cậu tôi cũng như tâm ý của bà con Cà Mau là vậy. Hy sinh nhiều thứ để hướng tới xây dựng tương lai cho mình, cho con cháu mình. Tôi uống với cậu tôi và chịu thua.

Nhưng thật lòng, anh biết không, tôi vẫn thấy buồn ghê lắm. Anh em mình thường nói, sợ nhất là cảnh còn mà người mất, nhưng xem ra chịu tâm trạng cảnh mất người còn cũng đau đâu có kém gì.

Kính thưa anh nhà báo

Tôi ở tận Cà Mau, cái tình ly hay được anh nhắc tới, lúc thì dồn dập, rồi bật hơi lâu lâu lại thảng thốt kêu lên, có vụ tham nhũng, có vụ sai phạm, lãng phí mới đây, bà con ơi. Tôi quý anh, bà con Cà Mau quý anh, quý tình thân dũng cảm, tinh nhạy, quý tấm lòng cương trực, thẳng thắn...

Nhờ anh, Cà Mau mình nổi tiếng quá chừng. Nổi tiếng mà tôi buồn, ngộ quá hen anh. Bởi người ta biết xứ sở mình không phải vì nhiều con gái đẹp (như gái xứ Tuyên), nhiều anh nông dân giỏi chế tạo máy nầy máy nọ (như Đồng Tháp, Tây Ninh), nhiều phong cảnh đẹp (như Huế, Hội An)... sở dĩ quê tôi tiếng tăm vang dội chỉ vì có quá nhiều chuyện... lu bu (là tôi nói cho gọn).

Mặc dù đó không phải là bộ mặt, là bản chất của miền đất nầy. Chúng tôi có nhiều sông, nhiều cây có (dù là có dại bên đường, tất cả chúng đều kết trái, nở hoa) và gió tuyệt đẹp thổi trên những mái nhà. Có bà mẹ già ngày ngày xách hàng

chục lít nước màu đi hai mươi cây số chỉ để kiếm mười ngàn tiền lời mà không phải làm gánh nặng cho con cháu. Có những lão nông hiến đất xây trường, có nhiều người anh hùng sống thanh đạm đến cuối đời, mang mảnh đạn trong mình ra hàng cây bên đường trốn nóng và dịu cơn đau nhức. Một xóm nghèo nhưng quyết tâm gồng gánh nuôi con cháu vào đại học. Bà má Việt Nam anh hùng mở lớp học tình thương... Anh kiếm làm anh dũng hy sinh vì bọn phá rừng. Làng chài nghèo lao ra biển khi nghe có tai nạn đắm tàu, ghe cào nghèo sẵn sàng quăng bỏ lưới để kịp cứu người...

Và anh nhà báo ơi, đất Cà Mau chúng tôi còn hàng triệu chân dung người tử tế, hàng trăm câu chuyện ấm lòng như thế, nhưng anh không nhắc tới, nhắc ít, hoặc vả nhét vô tuốt trong ngách nào đó của tờ báo nào đó, tí nhỏ, chữ cũng nhỏ (còn chuyện lu bu anh bày ngay trang đầu, đập vào mắt người ta những con chữ thật kêu, cực kỳ ấn tượng). Vậy là anh không công bằng rồi, anh đánh đổ hình tượng của một vùng đất tan hoang mà xây... ít xịu, làm mất nhiều mà “gỡ” lại hóng có bao nhiêu. Để đến nỗi cảm giác ác cảm với đất này dày thêm mãi, bạn bè tôi đánh đồng Cà Mau với muôn vạn chuyện lu bu (và tạo thành một thói quen, như nhắc tới gái miền Tây là thế nào cũng lấy chồng Đài Loan, làm gái ở Sài Gòn... mà con gái đồng bằng chúng tôi có đứa lột vỏ tôm bột bột, lờ lỏi đời tay, có đứa là mỗ hơi gạt lúa trên đồng, có đứa lặn lội từ Đất Mũi lên Sài Gòn vào đại học và có không ít đứa như tôi, gò lưng viết từng câu chữ để sống. Chà, nói chuyện mình mắc cỡ quá chừng...).

Anh nhà báo ơi, bắt đền anh đó, tôi biết phải làm sao bây giờ, khi bạn bè hỏi em gái đến từ đâu. Tôi sẽ nghe ê ê cái mặt (mà vốn nó đã dày theo năm tháng lắm rồi), chẳng dặng dưng, lí nhí, thẹn thò thưa: “Thưa, em ở Cà Mau” (và tôi làm sao tránh được ánh mắt cười cợt, nghi ngại của người thị thành khi biết tôi là gái miền Tây).

Và thưa anh nhà báo, hãy giúp giúp, tôi biết làm sao khi bảo mình là người Cà Mau mà trong lòng không còn chút tự hào nào.

Đi qua những con bão khô

NHỮNG NGƯỜI “ĐI BIỂN TRÊN CON THUYỀN RÁCH NÁT”

Nhà anh Nguyễn Văn Lập bên kinh Xóm Cống, Ấp 7, An Xuyên. Gió lồng lộng thốc vào, vách lá rách tả tơi, ngửa cổ thấy lốm đốm trời. Coi kỹ, chỉ có bộ ván đằng trước, chỗ dùng để tiếp khách là lành lặn. Chị vợ áy náy vì nỗi nghèo của mình nên bối rối phân trần, “Tính nuôi vịt để cất lại cái nhà...”. Hành trình từ cái nghèo vừa vừa đến nghèo xác xơ nhanh như một cơn mơ, một cơn gió, một cái phui tay... Không dất để thế chấp vay vốn ngân hàng, phải vay nóng của hàng xóm, từ hơn trăm con, anh gầy dựng được 700 vịt thịt. Dịch cúm gia cầm ập đến, đàn vịt của anh bị tiêu hủy sau Tết. Bây giờ anh xuống kinh giăng lưới bắt cá phi, cá chốt bán kiếm tiền mua gạo, nuôi hai đứa con thơ. Cái đói nghèo làm cho đôi tay anh quen để ngửa trên đầu gối, đôi tay trắng như xương ở tuổi gần bốn mươi. Anh cười buồn, “Người ta hay nói, thiếu nợ thì bán nhà trả, mà nhà tôi bán

cũng hóng ai mua”. “Bây giờ chợ mát là thấy bầy vịt, lôm côm bò dậy thì nhớ tới nợ nần tứ giăng, thiệt, – chị vợ chắc lười – khổ hóng biết sao mà nói...”.

Xa về phía Nam thành phố Cà Mau, bên chân cây cầu Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, là nhà anh Ngô Văn Hoàng. Hồi mới ra riêng, anh sắm đôi trâu, mọi người gọi Hoàng “trâu”, sau nầy bán trâu rồi, bà con kêu Hoàng “vịt”. Dịch cúm tới khi đàn vịt gần 1.500 con của anh vừa bắt đầu đẻ trứng so, khi chúng đã ăn phẳng trăm ngoài gạ lúa mùa rồi, khi nợ ngân hàng, nợ vay nóng mới trả được năm ba kỳ lãi... Sáng hôm đoàn công tác chống dịch đem chúng đi chôn, chị Quyên, vợ anh Hoàng còn đem mấy bao lúa ra cho ăn, “Mình cùm nùm cùm nị tụi nó bốn tháng trời, cực khổ biết bao nhiêu, mền tay mền chum, hóng nở để tụi nó chết đói”, chị báo. Hố chôn đàn vịt nằm trên cánh đồng sau nhà, “Nhưng tới bây giờ tui không dám ra đó, thấy rồi mắc buồn thêm”. “Tui mới tính với anh Hoàng, chắc là moi một tha mấy đừa nhỏ về dưới ngoại (Khánh Hải, Trần Văn Thời) phụ làm địa, kiếm cá nhận mắm chớ về bán. Rồi chờ mùa lúa tới”.

Mà, mùa tới còn xa, xa lắm.

Bây giờ vẫn còn nắng chang chang như vậy, những cơn nắng làm mùa hạn bất thường thêm lên. Chẳng có một cơn gió nào, ngọn cây so đũa đứng trôn nhưng người ta vẫn cảm giác đầu đây sót những cơn bão rớt. Đã hơn một tháng kể từ ngày ủy ban tỉnh Cà Mau ra công bố dịch cúm gia cầm (ngày 2.2.2004), nỗi buồn ú ề của những người chịu ảnh hưởng của dịch đã bị nắng sặc lại, mặn chát. Những cánh

đồng trợ ra, những dòng kinh không đàn vịt nào cắm ở đấy, những tiếng gà eo óc lạc lóng xa xa. Tôi nhận ra rằng, chẳng phải người có vịt gà bị tiêu hủy nhiều thì buồn hơn người ít, bởi mỗi người mỗi cảnh, những nỗi buồn cũng lớn lao như nhau. Với tổng số gà và vịt 267.813 con bị tiêu hủy, vùi theo đó bao nhiêu là kỳ vọng, là ước mơ, là khao khát đổi đời.

Nhưng vợ chồng anh Hoàng còn hy vọng, còn có thể sống lay lắt chờ mùa lúa tới, còn ở những vùng chuyển dịch, bà con nông dân đang trong thế bị khó khăn vây kín.

Chẳng âm ỉ, bạo phát bạo tàn như dịch cúm gia cầm, con “bão tôm” từ tốn, lặng lẽ, mà bào mòn sức chịu đựng của con người. Chuyện tôm chết nông dân đã rành sáu câu rồi, chỉ khác, đây là năm thứ tư tôm chết, nghĩa là năm thứ tư nông dân Cà Mau vắt kiệt mình trong nỗi lo đói nghèo. Thím Hai ở Ấp 7, An Xuyên ngao ngán, “Mấy ông nhà nước không nghĩ ra cách nào cứu tụi tui, để vậy hoài, hai năm nữa không chết đói cũng chết vì trộm cướp cho cô coi, bản cùng nên sanh đạo tặc, ông bà mình dạy vậy”. Nguyên một xóm kinh nầy ba năm rồi không trúng một vụ tôm nào.

— Mà, nhà nào hồi đó dẫn nước mặn vô trước nhứt, bây giờ lại sống khổ nhứt, làm như trời trả báo mình vậy, cô ơi.

Nhà thím cũng vừa bị tiêu hủy 4.375 con vịt trong dịch cúm gia cầm, vừa thất thần lo nợ ngân hàng vừa phải chạy gạo ăn. “Cái hồi làm lúa không khổ cùng khổ tận vậy đâu, cô. Bây giờ hồi nhà nào ở xóm nầy mà không mua gạo chịu chỗ thím Sáu Đức, ai mà hồng vay tiền của thím í”. Lúc nầy, cái

“ngân hàng... xóm” ấy đang ngóng lại đàng xa, coi trên có rút tiền hỗ trợ cho mấy hộ bị thiệt hại sau cúm gà chưa, hòng gỡ lại chút đỉnh, chứ nợ của các chủ vương tôm, ấp lăm rồi, mong gì?

“Mới đầu, thấy tôm chết, mấy ông nhà nước còn lo lằng xằng, mà lúc nầy làm như mấy ống quên mất biệt luôn, hay là lo hóng nổi nữa, hà cô?”, thím Hai ngừng vông, hỏi tôi. Rồi thím chỉ nhà anh Chín Đo đặng xóm, đất ít, tôm lại chết, năm sáu nhân khẩu sống nhờ cái vó cát rong rêu dưới kinh. Có bữa nửa đêm, ngủ không được, anh Chín la lớn, “Nghèo sao mà nghèo dữ vậy trời!” làm chị vợ quỳnh quáng, tướng chống đầu ở đâu. Tiếng kêu thảng thốt nghe như tiếng thờ dài vỡ ra của một đời người, nghe buồn lặng, buồn sâu.

An Xuyên có hơn một nửa diện tích dân mận nuôi tôm. Đây là những vùng chuyển đổi cơ cấu tự phát, nhà nước không quy hoạch. “Vụ tôm đầu trúng dữ lắm nghen cô, ai mà ngờ nó làm theo kiểu mấy thằng chim mồi cờ bạc, dụ người ta nháy vô rồi, nó “chơi” mình sát rạt”, anh Hai Sỹ ở Ấp 2, An Xuyên ảm ức. Nhà anh có gần hai héc ta đất, “Nhưng vương làm không đủ ăn, phải kiếm tiền bằng nghề làm bún, ở xóm nầy, đất của bà con còn ít hơn của tui, nếu không có nghề khác đành chịu chết, muốn làm mướn cũng hóng ai chịu mướn, tôm chết trắng dờ con mắt rồi, mướn làm gì bây giờ, tiền đâu?”. Chị Út Nhiễm ở gần đó đã hai mùa “buông xui” sáu công đất nhà, qua Tân Thuộc gặt mướn. “Hồi lúc làm ruộng tui cũng nghèo, nhưng có lúa ăn cũng vững bụng, chị kể, bây giờ phải đi gặt để chạy gạo. Nhiều lúc nghỉ tay ngồi

ăn cơm giữa đồng, tự nhiên hai vợ chồng tui thấy buồn quá chừng, ống buông đũa ngang xương, ống nói, đáng lẽ giờ này mình đang gặt trên đất nhà mình, bà ha”.

Và ký ức vẫn còn tươi thơm những bụi rạ trên đồng, những đụn rơm cao nghệu cạnh hàng cây bình bát. Những đơm lúa được trải phơi vàng trên mảnh sân nhỏ trước nhà... Xóm của chị Nhiễm nằm bên quốc lộ 63, hồi còn đi học, tui và bạn bè vẫn thường đạp xe ra đó chơi, ngắm mê mãi những ngôi nhà gỗ nằm lẩn khuất trong màu xanh sẫm của vườn chiêu. Những bờ đất cây trái lúc lỉu. Những bông rau muống tím biếc trở trên mặt kính. Bây giờ đi ngang qua đó, người ta thấy nhiều ngôi nhà tường mới xây, mái lợp tôn giả ngói, đồ au au bật lên trên mảnh vườn xơ xác. Nhưng bên trong vẻ hào nhoáng đó là một nỗi đau, anh Hai Sỹ bảo, “Cò kiếm được người nào nhờ trúng tôm mà xây nhà chêm chết tui cũng chịu, họ bán đất đó cò ơi...”. Cắt bán một mảng đất, với người nông dân, là chặt lia một phần thân thể nào đó của mình.

Ít nhiều, người dân An Xuyên bắt đầu thám thía hai từ “trả giá” cho việc “dẫn mặn về giày... cây lúa”. Bà con chịu là lỗi tại mình nhưng cũng có ý trách các cơ quan báo đài. “Mấy ống lên đài toàn là cảnh trúng tôm, rồi nói nhờ tôm nên người ta đổi đời nẩy nọ. Nghe nói giàu, hỏi cò, ai không ham, ai không chạy theo?”, thím Hai hỏi. Tui hơi giật mình. Có những tựa bài đọc nghe kêu, đại loại như “K. B. được mùa tôm” nhưng đọc kỹ thì chỉ vài ba hộ trúng. Đại loại như “L. V. L. thành công với mô hình trồng rau sạch” thực tế việc đó chỉ ở một đoạn xóm trong ấp Lung Dừa (mà cũng chẳng nhắc tới

chuyện bà con trồng rau sạch nhưng phải bán giá “bèo” như rau chẳng sạch). Đại loại như “L. T. T. đi lên nhờ vụ lúa – vụ tôm” nhưng mô hình chỉ thành công ở một vài ấp như Tân Hòa... Ba tôi ám ức, “Ở Bộ Tời, Bộ Phát dài vô Sở Tại cũng thuộc Lương Thế Trân mà lúa thì chết non, tôm chết lảng...”. Đây vùng nhà nước quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhưng cũng “thất trận”... tôm tôi bời. Đã thử làm vụ lúa, vụ tôm, đã đổi hết thuốc này, vôi khác... Đã vái đủ bốn phương tám hướng, cầu xin trời đất, hồi đầu cúng vương bằng đầu heo, tôm chết, cúng hột vịt lộn, tôm vẫn lụi đầu, có người bắt chớ làm thịt cúng (cúng chớ tức là “có trứng”). Chẳng biết ai đầu tiên phát minh ra cách cúng này, nhưng nghe buồn cười đến rơi nước mắt. Hay là đã tuyệt vọng lắm rồi, kiếm chuyện gì đó lạ đời để làm chơi, hay là nhà không còn gì ăn nên bày ra vụ cúng này, hay là tiện đấy để... nhậu đỡ buồn. Vừa qua, bà con ăn một cái Tết “xo cò”, có nhà, hết năm rồi mà không có được một trăm ngàn trong túi để lấy may cho năm tới. Làng xóm buồn thiu, cái buồn nghèo đóng rong đóng rêu sang cả đám gà, đám giò... Dịp để hàng xóm láng giềng họp lại, hát hò, nhậu nhẹt xóm tụ nay gặp nhau chỉ mong mệnh những tiếng thờ dài. Thờ dài vì vương chẳng thấy con tôm nào. Thờ dài vì cá phi cũng hồng có mà giăng lưới kho quẹt ăn. Thờ dài vì con nước tháng hai cạn queo mà xăng lên giá sáu ngàn một rồi, sao có tiền mà xuống máy tát nước đây...

Mà đầu chỉ xăng lên giá, bà con ở vùng ngọt cũng khốn khổ vì giá phân bón tăng mạnh từ cuối năm ngoái. “Lúa lên giá một, phân vọt lên mười”, Nghĩa, thằng bạn hồi tiểu học

của tôi nhân nhó như đau ruột thừa, than. Nghĩa có một mảnh đất trồng rau ở xã Tân Thành, nuôi một vợ với đám con ba đứa cao thấp gần bằng chang nhau. Cái khuôn mặt thiên thần của nó hồi lớp hai lớp ba bây giờ nhân nhúm như ớt trái dứa khô. Hôm tôi ghé, nó còn mắc vục đầu xuống ao mức đôi thùng nước. Sau Tết, rau quả lên giá, nó tính đợt rau muống Tàu nẩy dư ra ít đỉnh để sắm cái mô-tơ điện, đứng ưỡn lưng ra mà xịt xịt cho sướng. Nhưng rồi phân bón, gạo, cá, tiêu tôi cái gì giá cũng tăng, nó đành chịu trận... Dẫn xe ra sân về, nghe thằng con nó méc, “Cha ơi thằng Sang nó đái vô cây ớt, cây ớt chết queo rồi”. Tôi nghe thằng Nghĩa rên lên, “Trời ơi”. Tôi biết nó buồn.

Hôm trước, tôi đọc một phát biểu của một quan chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rằng “nông dân Việt Nam như những người đi biển trên chiếc thuyền rách nát”, tôi vỗ đùi khen, cha chả, ông nầy không biết có viết văn không, sao mà ví von hay quá chừng. Hay. Và chính xác. Nhất là khi dịch cúm gia cầm đi qua như một cơn bão khô, người nông dân đau xót mà không khỏi ngỡ ngác. Ngỡ ngác đến lặng đi. Nhiều người đặt ra câu hỏi, “Chừng nào mới có bảo hiểm những rủi ro cho nông dân, tại sao người nông dân lại là người thiệt thòi, người chịu nhiều tác động của cuộc sống nhất?”. Đặt ra vậy thôi, thấy xót ruột quá thì hỏi vậy chứ câu trả lời nầy chưa có. Nên bà con nghèo hoài, nghèo không phải vì bê trễ làm ăn, không phải vì đánh bài đánh số, mê ăn nhậu, nghèo chỉ vì những rủi ro không lường trước. Nghèo vì mình là nông dân.

MÓN HY VỌNG ĐÃ HÂM NHIỀU LỬA

Khi tôi thực hiện bài viết này, chắc sẽ không còn mấy ngày nữa, ủy ban tỉnh Cà Mau sẽ công bố dập tắt dịch cúm gia cầm. Được biết, số tiền hỗ trợ của toàn thành phố Cà Mau đã rót xuống các xã. Chú Trần Văn Hai vừa nhận tiền lúc sáng, đã quỳ quá ra Cà Mau trả nợ ngân hàng, rồi làm thủ tục vay vốn lại. Tôi đến lúc thím với mấy đứa con đang mong ngóng ở nhà, cậu con trai đang học trung cấp tài chính kế toán cứ thắc thóm nhắc hoài, “Hóng biết ba có vay tiền lại được không?”. Thím Hai rầy, “Tụi bây nói hoài ổng nháy mũi cho coi”. Rồi day qua tôi thím bảo, “Hồi sáng lãnh tiền về nhà tui đã xúm lại khóc một hồi, bốn mươi mấy triệu đó vừa đủ trả ngân hàng, còn nợ vay ở ngoài nguyên bản. Ông tính ngân hàng cho vay lại sẽ xở mấy chỗ vay nóng, dư ít đỉnh để gậy dựng lại đàn vịt. Nói gì tui cũng không bó nghề, cô coi, nhờ nuôi vịt mà tui cất nhà, lo mấy đứa con ăn học đàng hoàng”. Tôi thấy mình ngạc nhiên khi ngồi giữa ngôi nhà rộn rã tiếng cười. Phải chăng nỗi buồn, nỗi mất mát đã qua rồi? “Rầu cũng nghèo mà cười cũng nghèo, sao mình hóng cười, hóng hy vọng cho đỡ khổ hả cô?”, thím Hai như đọc được thắc mắc của tôi, hỏi.

Thím, và bao nhiêu người nông dân khác nữa, giống như những ngọn cỏ bên đường, vẫn ngoi lên bên bìa sống sau bao lần bị giẫm. Tôi nhận ra rằng, nông dân mình xưa rày có món đặc sản “độc” lắm, nhờ món đó mà họ sống từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đời này sang đời khác. Đó là “hy vọng”. Lúa thất thì hy vọng trúng mùa sau, giá rẻ như bèo cứ định ninh năm sau được giá. Lúa này tôm chết thì chờ lúa sau, lúc

thả bọc tôm nhỏ như cây kim xuống đầm, vẫn mong mai này còn gặp lại chúng.

Cho tới bây giờ, khi vừa ngoi lên đã bị kẹt lại trong tấm lưới đói nghèo, người nông dân lại cần hy vọng hơn bao giờ hết, cho dù nó đã bị hâm nhiều lửa lắm rồi. Nhưng phải hy vọng để sống, làm lụng, để chịu đựng và vượt qua.

Và để gắng sức chống chọi lại những cơn bão khô sẽ đến bất cứ lúc nào.

Chờ đợi những mùa tôm

Cứ mỗi lần gặp, bác lại nhắc ba, hỏi thăm ông bạn già ra đi từ mùa chuyển dịch. Ba bỏ phố về đồng, đào vuông, nuôi tôm. Con thừa, ba con khỏe, nhưng ốm nhom, đen thui thùi lúi, cần cỏi người đi. Như cây dừa Xiêm đầu liếp, khi nước bắt đầu thấm vào thớ đất mặn mòi, con người cũng khác.

Khi nào rảnh, con mời bác về thăm ba con chơi.

Chỗ ba con ở không xa nhà mấy, qua cây cầu có con đường nhỏ dẫn xuống mé sông, qua chuyến dò ngang, men theo cái bờ đã lở như cá chớt rìa sẽ đến đập Bộ Phát. Lần theo mé kinh nhỏ, bác sẽ gặp ba con. Không biết bây giờ ba con đang làm gì. Nắng nấy, chắc ba con đi trồng cỏ nước mặn cho cỏ bò che phủ mặt nước, để nước đừng nóng lên. Chắc ba đang đóng lại cái cống tháo nước bằng gỗ. Chắc ba đang hí hục xúc sinh bồi lên cái bờ vuông vừa lở chiều qua... Mà có thể, bây giờ ba con đang ngồi uống trà, mà con nấu

bữa cơm chiều, con cá phi kho khô tỏa mùi mặn nồng trên bếp, má kể sáng nãy thấy được con tôm rỏi, nó bằng ngón tay cái vậy nè. Hai ông bà cười, mơ về những giấc mơ xa xôi lắm.

Con tin rằng, bác sẽ giật mình khi nhìn thấy ba má con như chính con giật mình khi nửa tháng, mười bữa mới gặp. Ông bà già đi nhanh, cái già tranh thủ từng ngày, từng giờ, mót từng khoảnh khắc của cuộc đời. Chỉ mới một mùa tôm thôi, bác à, nhưng đó là mùa tôm người nông dân vùng chuyển dịch vất kiệt mình ra trước bao nỗi cực nhọc, buồn vui.

Con vẫn tin rằng, làm vương nuôi tôm làm cho người ta sống cùng, sống tận với cảm xúc của mình nhất.

Vui thôi là vui cái hồi bắt đầu cất căn chòi nhỏ. Mỗi chuyến đi về, ba má con xách theo nào nổi niêu xoong chảo, nào là mùng mền chiếu gối. Ba con nói vui “cảnh này y chang tui với bà vừa mới cưới, được ra riêng”. Một mái ấm dựng lên trên góc đất, nằm cặp mé kinh. Một chiếc xuồng nhỏ buộc đàng trước nhà. Dưới ruộng, đất đang cát, đang đào, bờ bao ngạn lở mờ hiện ra trong làn nước. Dọc theo xóm, nhà nào, người nào cũng hồ hởi. Nửa đêm, gió thổi hiu hút, trở mình nhớ nhà, nhớ đám con cháu ở nhà, tụi nó lúc nào cũng cười giỡn, cãi vã eo xèo, cãi cũng vui thiệt là vui. Rồi ba hỏi má, mình bỏ nhà, lặn lội vô đây để làm cái gì bà ha? Má không nói vì cái gì, má chỉ an ủi, cùng lắm hai mùa tôm, có chút vốn kha khá rồi mình sẽ về. Cái hồi đó sao mà hy vọng tràn đầy, hy vọng lênh láng.

Phải chăng vì niềm hy vọng khao khát vươn lên nên khổ cực tới đâu ba má con cũng chịu. Một đêm vài ba lần, ba má con thức dậy, đi rào một vòng ruộng, canh con nước... Mực nước ngoài sông không cao, kinh cạn, đón con nước nửa đêm, hai ông bà ì ạch khiêng máy ra tát vô đầm nuôi. Chập chờn một chút, má choàng thức, rù ba hi hụi đem máy vô chòi. Bác cũng biết, chuyện tiếp nước cho tôm từ cơ sở hạ tầng trồng lúa cũ đang là một trong nhiều khó khăn của chương trình chuyển dịch ở tỉnh mình. Nên chuyện nước ra nước vào ở chỗ ba con như một tiểu tiết, một chấm nhỏ mờ mịt trong 200 héc ta chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi tôm trong tỉnh. Không ai bảo ai, bà con ở xóm kinh tự lo, tự xoay xở riêng mình như hồi nào giờ vậy, nhà nước lo được bao thì hay bấy nhiêu. Có túi thân, túi phận thì lủi thủi than thở với nhau chơi, vậy thôi. Nhà nước còn phải lo tí ti chuyện lớn, chuyện mất còn khác.

Những đêm mưa, sợ nước dâng ngập bờ, dầm mình đi tháo nước, những ngày nắng, lặn lội xúc từng gàu sinh từ đáy đầm lên... Ba má con an ủi nhau, hồi trước giờ có khi nào nhà mình hóng cực. Nào là trồng cái, trồng ngô đội đi chợ, nào là mua so đũa về làm nấm rơm, nào là đi mua lúa hàng xáo, rồi làm hai ba vụ lúa... Có làm gì mà không cực khổ, dậy sớm thức khuya.

Nhưng không làm nghề gì khắc nghiệt như nuôi tôm, y như trên chiến trường, “thắng làm vua, thua làm giặc”, mà là giặc nghèo, giặc đói mới chết. Ba tháng nhọc nhằn, ba tháng rút vào lòng đầy hy vọng. Tôm chết. Lúc đầu còn chết từng ruộng, từng chòm, sau chết cả vạt đồng, cả xóm, cả vùng. Tôm chết

như người ta trở một bàn tay. Lạ ghê, ngủ một đêm sáng dậy thấy tôm lụi vô bờ, nằm đại khờ trên gờ đất, ngọn cỏ, ngọn rong. Vót từng con tôm nhỏ bằng ngón tay út lên lòng rung rúc, đứt ruột. Tớ phở hời nhau làm sao mà tôm nó chết vậy kia? Có ai làm gì nó đâu mà nó chết, mình quý nó còn hơn mạng mình nữa mà? Tôm chết rồi làm sao cứu đây? Cho nó uống thuốc gì, chích thuốc gì? Ý trời, anh là cán bộ ngoài tỉnh vô làm vương, bộ không biết sao? Làm sao biết được. Bụng xót như xát muối, te tái chạy đầu trên đầu dưới hỏi nhau những câu ngờ ngẩn mắc cười.

Tôm chết rồi, cũng hết như bà con ở xứ mình, ba má con mới biết mình hổng nặng về kỹ thuật. Lăn lộn cuộc đời nông dân ngọt năm mươi năm không có chút kinh nghiệm nào có thể đem vào chuyện này, má con nằm gác tay trên trán, thờ dài, rút ra kết luận. Má tá hỏa khi biết hầu hết tôm giống trên thị trường không hề được kiểm dịch, đúng quy trình phải quang cả trăm ký vôi bột mà mình xài có hai ba chục ký... Báo chí than bà con mình thiếu thông tin, thiếu hiểu biết rằm trời, các chú "ở trên" nhàn, bà con mình nóng vội quá. Nhưng bà con họ chờ bao lâu rồi hớ bác, lâu quá là lâu rồi, từ đời cày cấy này qua đời trồng tía khác, họ kỳ vọng cái ngày vươn lên. Tôm chết, giống như một luồng nước lạnh tạt vào ngọn lửa trong lòng của mỗi người. Nhưng ngọn lửa ấy không tàn lụi, nó vẫn rạo rục cao ngọn từ tro ướt. Đã tắt hy vọng đổi đời từ cây lúa, người ta chờ đợi những mùa tôm.

Ba má con chắc là bị "sốc", bác cũng biết, gì thì má con làm ruộng cũng giỏi có tiếng tăm mà. Bà cảm thấy buồn lắm.

Hai ông bà gầy rộc, sọp người đi. Ba con thôi làm thơ. Con không biết tại sao. Con vẫn thầm mong ba làm thơ lại. Trời đất ơi, bây giờ ba mà làm thơ được chắc là hay lắm. Những bài thơ không chỉ có tình yêu nam nữ, không chỉ có bức bách đời thường, mà nó còn mang nặng những niềm vui nỗi buồn lớn lao, đông đúc của người nông dân.

Ba con kể chuyện vui. Ba nói có chú nào ở đầu kinh dưới hồi thả tôm tới giờ không thấy nó nổi lên chơi chơi như bây cá mẹ rờng rờng hay cá chép, cá mè, dượng vôi đất nước ông bà cho chú thấy bầy tôm, cúng gì chú cũng chịu. Ai dè, bầy tôm nổi thiệt, nhưng mà lúc nó nổi lên tức là đã nhiễm bệnh rồi, và tôm chết đỏ đẫm. Chú mới vãi lại, ông bà phò hộ dùm con, khỏi thấy cũng được. Ông bà nào phò hộ nổi há bác? Trước những hiểu biết mật mờ về con tôm, người nông dân cũng biết mỉa máo cười mình.

Ba con nói chuyện vui. Ba nói nuôi tôm trước sau gì cũng giàu, hổng giàu cái nấy mình giàu cái khác. Chẳng hạn như không có tôm thì mình múc nước dưới đẫm lên nấu lại thành muối, muối bây giờ bán cũng có tiền lắm chớ, giỡn sao. Nghe cứ buồn cười không chịu được, đau lòng không chịu được.

Tôm lại thử lòng chịu đựng của nông dân, tụi nó mở đợt chết thêm vài ba đợt nữa. Đó là lý do tại sao lúc bác hỏi ba con giờ giàu chưa, con phì cười. Đợt tôm đầu, bán lai rai lấy lại được chút vốn mua con giống, ba má con đã là quán quân xóm kinh rồi. Má con bắt tép bạc lấy tiền mua đồ ăn mắm muối. Má nói, làm gì làm cũng đừng đừng vô mớ tiền bán tôm, đó là tiền gối đầu cho vụ sau, mùa sau. Bác cũng biết

tài tháo vát của má con hồi chiến tranh, bây giờ cũng vậy. Má định ra kế hoạch sản xuất, má đi học hỏi kinh nghiệm của những người nuôi tôm đi trước. Má luôn luôn vực cả nhà khỏi chán nản, tuyệt vọng. Má con có nhiều "bài" lắm, má nói tổ tiên họ Mạc của má linh thiêng lắm, hóng lẽ nào ông bà để mình khổ hoài, má nói, một ký tép bạc, tép đất cũng ăn đứt gạo lúa theo giá bây giờ. Với ba, để thấp hy vọng như ngọn đèn không tắt, má nói về tụi con.

Con bắt đầu biết vì lẽ gì mà ông bà dầm dãi. Không có cái gì riêng cho ba má con đâu, bác à, như bác, như hàng vạn người cha, người mẹ khác vậy thôi, một lòng lo cho đám con. Nên có hai người già trên đồng trống hốc, gió giạt mái chòi. Nắng đỏ ngầu. Mưa trắng xóa. Bà tóc bạc như nhuộm ở tuổi 50, sáng sáng xách nhúm tép đất ra đầu kinh xáng bán rồi về ngoài nhà, bơi vãi xuống gạo bỏ mối có, bán lẻ có. Chiều vô vương đặt lú, nấu cơm. Ông già gầy gò, đen đúa mỗi tháng một lần về họp chi bộ, sẵn thăm nhà luôn. Thời gian còn lại lặn ngụp dưới ao dầm, vớt rong, trồng có, vét bùn, đắp bờ. Sáng sáng, chiều chiều, đi xách nước ngọt ben kinh, hai tay lặc lè hai thùng qua cầu khi. Không tí vi, không sách báo, chỉ cái đài con con. Có họp hành gì người ta mời ba, má đốc ba đi, ba nói, "Chân tui đóng phèn quá bà à", má năn nỉ, "Ông mà chịu đi tui cạo bớt cho". Đêm, người canh chòi trên, người chèo queo chòi dưới. May mà còn những giấc ngủ nhọc nhằn sau khi đã trần trọc thóa thuê. "Thượng đế ban cho chúng ta hy vọng và giấc ngủ để đền bù cho những nỗi lo lắng của cuộc đời".

Mà, bác đừng nghe con kể lể rồi thương xót ba con, rồi nghĩ, “Tội nghiệp, cái thằng hồi đó làm cán bộ oanh liệt vậy mà bây giờ sống khổ quá (nói cho văn vẻ chứ có oanh liệt khi khô gì)”. Nếu có thương xin bác thương nhiều bà con khác, họ nghèo, chan chát chỉ chờ có con tôm, tôm càng chết nhiều, họ càng khổ. Má con còn mảnh ruộng lúa đang xanh, còn cái quán nhỏ bán buôn cám gạo sống cũng được. Ba con thì giàu lắm, giàu gió giàu trăng, giàu bạn bè. Cái chòi là của ba con vô cửa phải cúi người vậy mà không lúc nào ngớt khách. Bà con ở xóm kinh đi qua ghé uống ly trà, đi lại ghé ăn miếng bánh. Không có thông tin báo chí ba thôi buồn lòng vì vụ tham nhũng này, vụ tiêu cực kia, thôi buồn vì nhìn thấy cảnh gai mắt, chướng tai. Đôi lúc người ta thèm sống một cuộc sống như thế. Thèm sống với những lo lắng, ước mơ rất thường tình. Thèm ngồi trong một căn chòi thấp sừng sững nhưng đầy gió, vây quanh ly trà đượm khói, những người nông dân áo phèn, nước rỏ long tong từ ống quần đầy bùn đất, nghe trên đài tiếng nói Việt Nam đang tường thuật trực tiếp trận bóng đá chung kết cúp quốc gia mà tức mình, “Vụ tôm này mà suôn sẻ, thu hoạch xong, tui chạy ra chợ rinh liền cái ti vi tổ chàng về xúm lại coi cho đã”. Nhắc tôm là rôm rả chuyện con tôm, chuyện kỹ thuật mới, chuyện con nước, con giống, chuyện sáng nay giá tôm sụt mất năm ngàn đồng một ký. Má con góp chuyện, “Chỉ sợ tôm nhiều, giá cả đi vô con đường rẻ bèo như giá lúa, lúa ế mình còn để ăn được, chứ mấy ông “ở trên” lo không nổi đầu ra cho tôm, để dồn đống đó ăn ngán chịu gì thấu”.

Má và con tin rằng, dù lần nữa rồi thì những mùa tôm sẽ tới, bác à. Nó sẽ tới để thay đổi số phận, cuộc đời mỗi người, nó tới để đỉnh đạc báo rằng, chủ trương của nhà nước mình là đúng đắn, rằng cổ tích ngày xưa là có thật. Những con người lam lũ cực nhọc cả đời xứng đáng được trả công.

Hồi nhỏ tới giờ con được dạy là phải biết hy vọng, lạc quan nhìn cuộc đời, bác à.

Đôi bờ thương nhớ

Bạn biết tôi thương bạn nhiều mà bạn làm khổ tôi chi vậy. Như thường lệ, bạn vẫn viết thư cho tôi. Thư nhận chiều qua, bạn viết: “Mình sẽ cố thu xếp trở về cố hương. Có xa xôi gì mà mất mười hai năm ly xứ...”. Rồi bạn kể ra một dọc những cảnh moi từ ký ức cũ, nào là những tàn cây trứng cá đàng góc sân, hàng điệp đỏ de mình ra mé nước che cái bến, mấy chiếc xuồng ba lá buộc đập dềnh vào chân cầu. Con đường đất đỏ pha nâu dẫn vào căn nhà cất theo kiểu cổ, hàng lơn nước trước hàng ba ngoại úp cái gáo thâm màu đất...

Tôi luôn nhớ về bạn nhiều nhất trong đám bạn cũ. Với tôi, những người xa xứ, lia quê luôn luôn tội nghiệp. Bây giờ, tôi lại càng thương bạn hơn bởi những gì bạn nhắc, bạn nhớ đã không còn nữa.

Xóm của K., cái xóm Hòa Trung nằm bên bờ con kinh xáng Đồi Cường đã không còn nữa. Mà, có riêng gì cái xóm cũ của bạn tôi, nhiều làng xóm dọc theo những triền sông lớn, những tuyến giao thông chính ở vùng đất rặt sông nước này đã mất dần dấu tích theo con sóng tạt ào ào vào bờ đất. Và đất theo sóng ra đi.

Có người nói ở Tân Châu (An Giang) ngủ một đêm sáng dậy thấy nhà mình trôi lênh bênh trong dòng nước vậy mà sững, vậy mà “ngon” hơn ở ven các con sông Cà Mau, khỏi phải mỗi ngày nhìn thấy mảnh đất được gầy dựng từ thời ông cố, ông sơ mình từ từ, cứ từ từ chìm vào dòng nước mà không cách gì giữ lại. Đứt ruột.

Nhà cũ của bạn tôi nằm đâu? Cái xóm nhỏ nhìn ra sông, đón nắng từ sông, uống gió từ sông đó bây giờ đâu? Thở dài. Những ngôi nhà trống huơ, hoang tàn, trơ trơ gạch ngói, cái còn cái đã ngụp một nửa dưới nước, những cái nền gạch còn lưu dấu một chiếc gạch cửa, một cái lan can thấp (nơi ngày xưa bạn ngồi đó bung tô com, vừa ăn vừa coi trời, coi đất chơi!?). Trên nền nhà cũ, lần theo các khe nứt do đất sụp có giống trấu, cỏ nước mặn, lúc đại đua nhau mọc xanh rì. Một cái sần cây nước lộ ra cái ống sét nghẹt khi nước bắt đầu ròng. Những cây dừa, cây mắm nằm xoài dài ra mép nước, đâm rề tuyệt vọng níu lấy chút đất cuối cùng. Đâu đó nhiều quãng hiện ra một nhà máy chà gạo, nhà máy đường, ống khói gầy gập lại, nửa nằm ngoài bãi, nửa nghiêng ngửa. Con thằn lằn lác tắc lười kêu hoài làm như tiếc rẻ cái gì. Tôi tự hỏi, nhà của bạn tôi đâu, cái ngôi nhà ký ức ấy. Nhà xưa của bạn nằm thấp thoáng sau bờ đất kinh xăng múc, cây cỏ quanh nhà rất xanh, bên gốc gừa có cái miếu ông Tà ngó xéo ra sông... Tất cả giờ ở đâu?

Mới đó mà chỉ hơn mười năm. Ngày bạn đi, chắc sông không rộng như bây giờ.

Bác Sáu Bé, một người già của xóm Hòa Trung cũng bảo

như vậy, ông nhớ như in hàng mắm chồm ra mé nước, ké đó, trên bờ là một hàng dừa, sân rộng mình mông, trồng thiết nhiều me, nhiều cây me già, cao thiết cao. Ông thường trèo lên đó nghe ngóng tình hình giặc, “Hễ thấy tụi nó qua Mương Điều lò dò càn vô hướng mình thì mình rút”, ông kể, “Mà, hồi đó, kinh Đới Cường lớn lắm cũng bằng nửa công đất mình. Bữa nào cánh giao liên tui tui có thơ, tui ra mé sông, kêu mấy chú mấy anh bên cơ quan ra, tui buộc cục đất vô thơ, chọi qua bên một cái gọng hơ hà. Bây giờ ông nội tui chọi còn không qua nữa chớ nói gì già cả như tui...”. (Có phải ngày đó, người bên sông đã gửi sang cho bạn lời thương nhớ cũng bằng cách nầy để cho bạn nhớ thương tới bây giờ? Tôi nghi lắm nghen!). Tôi ngồi với bác bên bờ sông, nước bắt đầu ròng, nửa cái khung của ngôi nhà cũ đã bị chồm sụp hừi vào dòng nước bắt đầu lộ ra hàng ba, bên dưới lan can là hai bồn hoa nhỏ. Bác chống xuống ra sông, chỉ tay vào dòng nước đang chảy cuộn cuộn chỗ ngày xưa có hàng me, hàng mắm, để chừng có ra đến gần một nửa sông. Ở đó nhìn vào bờ, cảnh buồn như trắng lặn. Tôi hỏi bác có buồn không, bác chỉ im lặng và đốt thuốc, lâu lắm bác mới nói: “Buồn chớ, đất nầy, ông bà mấy đời để lại cho mình mà. Hồi đó, bom đạn vậy mà có ai bỏ nhà, bỏ xóm mà đi đâu...”.

Nhưng bây giờ đã thực sự là một cuộc chia ly. Những hàng mắm, vẹt, đước, những rặng dừa nước vốn mang sứ mạng giữ đất đã bị bứt lìa trước tiên. Không có bộ rễ kiên cường nào có thể chịu được sức mạnh của sóng từ những con tàu. Đất bắt đầu vạt, vỡ ra, trôi đi từng ngày. Cho tới

khi, mép nước đã le liếm sát thêm nhà, người ra đi. Không ai để ý chiều đó có một căn nhà không còn ở bên sông nữa, người ta có biết bao nhiêu chuyện để lo, chỉ thấy giạt mình thảng thốt chiều nay ngồi tàu nhìn hai bên bờ sông, vườn thoi rộng, sân thoi sâu và xóm vắng.

Chưa có cái gì làm cho người Cà Mau vốn chịu thương chịu khó sáng tạo, cần cù lại bó tay như nạn lở bờ. Họ đã từng chiến đấu cật lực để giữ đất, họ cũng đã từng xây đi đắp lại hết bờ kè này tới bờ kè khác, đã từng hy vọng và rồi một ngày rút ruột bỏ xóm, bỏ nhà. Làm một bờ kè bằng rặng, bụp dừ nước sẽ chịu được khoảng nửa năm. Bờ kè đổ bê tông kiên cố hơn giữ được khoảng ba bốn năm, nhưng để xây được một bờ kè như thế người dân mất khá nhiều tiền, nên những người nghèo đã phải ra đi trước tiên. Một hai căn nhà còn bên bờ sông trong cái xóm đã tiêu điều như một ốc đảo nằm thoi loi một mình, "Dòm cảnh buồn muốn dọn nhà đi luôn cho rồi".

Từ những ngôi nhà đơn sơ có, kiên cố có, nhiều hộ gia đình phải gầy dựng lại tổ ấm trên nền đất mới. Từ đơn sơ họ lại càng đơn sơ hơn, từ kiên cố bây giờ họ sống trong căn nhà cột cây, vách lá. Nhà chị Phi dời ra sau đê, ở đậu trên đất anh rể, góc đất nhỏ, nhà coi tum húm to hó. Nhìn qua đám dừ thừa rình thừa rặng vẫn thấy sông, vẫn thấy cái nhà tường cũ, nơi chị sinh ra và lớn lên, đã sụp một phần nền. Mớ ngói Tây cũ rong rêu chị chất sát vách nhà mới, "Chờ coi có cơ hội nào xây lại cái nhà không, mà, chắc làm hỏng nổi nữa rồi", chị than. Nhưng chị vẫn còn may mắn hơn nhiều hộ gia đình khác, có người đã phải bỏ xóm làng định cư nơi khác vì không có

đất, có nhiều nhà đất đã lở tới chân cột cái rồi mà chưa có tiền để dọn đi, nước tràn vô tới bếp tự nhiên như người thân quen lắm vô lục nổi.

Ngồi ở trạm kiểm soát Hòa Trung, nơi hai tuyến đường chính đi Ngọc Hiến và Đầm Dơi chia ra đi rồi lại gặp nhau để theo sông Gành Hào về thành phố Cà Mau, cứ năm phút có một chiếc ca-nô, tàu khách, tàu vận tải cỡ lớn đi qua. Nhiều tàu đặt cả hai máy rùng rùng chạy, sóng rần rạt. Ước tính mỗi năm có hàng trăm héc ta đất dọc các bờ sông trôi đi. Sức tàn phá từ sóng tàu với bờ bãi như vậy, mới hiểu tại sao bà con ở dọc những triền sông quê mình chịu bó tay. Chờ đợi một ngày đất đã trôi không còn lở dữ dội do lòng sông đã có độ dốc thấp đi, thì bà con không còn gì để mất nữa rồi. Biết kêu ai, bắt thường ai, mất mát như bị thiên tai vậy mà.

Trách ai bây giờ?

Trách anh Nha nông dân nào cải tiến gắn cái máy xe ô-tô vô tàu chạy, tội nghiệp ảnh, ảnh làm là để cho đời, không có ảnh làm sao tránh cảnh ì giang cách trở, làm sao đi đứng thuận tiện, mau mắn như bây giờ. Mình biết ơn ảnh không hết đó chứ.

Trách sao nhiều tàu bè tội nghiệp người ta, trên miền đất xó dếp vô chân, bước ra gặp sông nước nầy, không có họ, không cho họ phát triển, mình đi về huyện, về quê, đi công tác, đi chơi bằng phương tiện gì bây giờ?

Chỉ tiếc một chút quê mình ít đường giao thông bộ chia sẻ bớt gánh nặng cho sông. Mình tiếc quê mình thiệt thòi quá,

mất hai mươi lăm năm sau chiến tranh, đất quê mình mới có được những con đường lớn nhưng còn đơn sơ về năm huyện. Nhưng sau từng ấy năm, bên sông, người xưa, cảnh cũ đã không còn.

Bạn biết tôi thương bạn nhiều, tôi sợ bạn buồn, bạn ác với tôi chi vậy?

Hồng lẽ bây giờ tôi đi trồng lại hàng điệp đỏ, trồng lại cây trứng cá lá mềm và mịn rụng xuống sân nhà, hồng lẽ tôi cất lại y chang ngôi nhà cũ, hồng lẽ tôi lùa được gió sông man mác vào cái hàng ba đã không được nhìn ra sông nữa, và tôi dựng lại được cảnh những chiếc xuống ba lá nhỏ với mấy cái lá dừa nước làm buồm trôi lơ thơ, êm ả trong nắng chiều, trời chiều. Tỷ dụ như tôi làm được những điều phi thường ấy thì bạn của tôi ơi, cái hồn quê, hồn đất năm xưa đã không còn. Mà tánh bạn cũng như tôi, khăng khăng hoài: “Hoa nào đẹp bằng hoa tuổi thơ. Ới nào ngon bằng ới năm xưa”¹. Kỷ niệm của những ngày tươi trẻ vô giá.

Nhưng rốt cùng tôi vẫn mong bạn trở về, dẫu đau cảnh mất người xa nhưng còn cô bác bà con, tản mác ở đâu thì tình nghĩa cũng đầy như nước dưới sông vậy, còn y chang tôi của ngày xưa. Tôi thương bạn nhiều thiệt nhiều. Tôi sẽ an ủi bạn, rằng, đi dưới sông ló đất tiếc một, đi trên bờ giờ như Kinh Kha qua sông Dịch, tai nạn hồng biết đâu mà tránh, hao người còn thương tiếc nhiều hơn.

Nói vậy cũng đỡ buồn chớ.

1. Thơ Lưu Quang Vũ

Hư ảo rồi tan...

Cuối cùng, mình đã biết mình có nhiều chỗ không giống... người ta. Như sớm nay, thấy người bưng thúng củ kiệu qua nhà, đáng lẽ, phải nghĩ ngay tới món dưa kiệu chua hay kiệu xào tép mình lại chớm ghen ngào. Ui chao, tội ông Táo nhà mình, Tết nầy lên trời biết nói gì về gia chủ?

Kể chuyện mình chuẩn bị một bài phỏng vấn cho báo Tết từ hồi... đầu năm ư? Bài phỏng vấn mà mình tưởng tượng trước là sẽ hay lắm, gay go lắm, trò chuyện tay đôi một quan chức gần đầu tỉnh chứ giỡn à. Mình sẽ hỏi những chuyện thường thôi, những chuyện mà phóng viên khác không thèm hỏi, chẳng hạn như ông có mệt mỏi không với những cuộc tiếp khách triển miên, có khi nào ông nhớ một bữa cơm gia đình, ông thường chơi môn thể thao nào, thí dụ như ông trả lời là chơi tennis (như giới quan chức vẫn thường yêu thích), mình (tưởng tượng) sẽ "bê" ngay, "Sao ông không chạy bộ lúc sớm mai?" (trời ơi, chạy bộ sẽ biết được nhiều thông tin, sẽ hiểu nhiều nỗi lòng của dân lắm nghen). Mình đọc tham

khảo cả một cuốn sách dày “Sáu lần gặp Putin” chỉ để rút ra câu hỏi hơi... cà chớn, “Tại sao có nhiều người chức càng cao bụng càng to?”. Mình sẽ hỏi về những trần trở, âu lo, những buồn vui vô cớ, mối tình đã qua, rung động đầu đời... mấy cái này coi bình thường vậy mà ăn khách lắm, mới mẻ lắm, đồng nghiệp chưa làm (thì giờ báo ra họ toàn hỏi ông kết quả thực hiện nghị quyết, phương hướng sắp tới ra làm sao, chỉ tiêu đặt ra như vậy có gì khó khăn không. Ông này cũng trả lời cực kỳ hành chính, nào là nhìn chung khá quan, tổng thể khách quan, cũng còn hạn chế, có ưu điểm nhưng cũng tồn tại khuyết điểm...). Lâu nay, báo chí xứ nhà ít viết về chân dung các nhà lãnh đạo, một chân dung gần gũi, đời thường như bác nông dân, như chị bán khô khoai, khô mực... Nên nghĩ tới bài phỏng vấn mình thấy sướng rơn lên, thậm chí nhắc tới tên ông, tim có chút đỉnh xao xuyến (chết thật, tại nhập tâm quá ấy mà).

Nhưng cuối cùng mình có làm được bài phỏng vấn mơ ước ấy đâu. Chưa kịp viết gì, ông lãnh đạo nọ đã ra đi khỏi trái tim mình, bằng vài chuyện sai lầm mà... ông Táo không hiểu nổi. Mình thấy lòng toang hoác, bẽ bàng (lặng lẽ vẫy tay chào thần tượng vừa rụng như sương, vừa chết ngắc bên đường mà mình chẳng dám tin, tưởng đâu...).

Báo hại, ông Táo không thể tau với Ngọc Hoàng về câu chuyện dở dang này của mình (mặc dù đáng kể nhất trong năm). Nhưng ông Táo sẽ ám ức lắm, ông tự hỏi sao nhỏ gia chủ không lăn lộn vào cuộc sống nông thôn mà viết, như năm ngoài năm kia, ông đã tự hào với Ngọc Hoàng biết bao nhiêu

khi nó nói lên được cái cực nhọc, cái đói nghèo của người nông dân đang bời bời đi qua những cơn bão rớt. Sao nó không viết một mùa lúa "ngà về không", một mùa trắng tay vì hạn sớm của bà con Cái Nước, Phú Tân, Trần Văn Thời... Những nỗi niềm trần ai, những nỗi đau đấng đót của người oan khuất. Sao con nhỏ gia chủ không viết về bà con nông dân cho chắc ăn, hay nó nghĩ để tài đó không sang trọng, nó thay đổi rồi.

Ông Táo nghĩ vậy chẳng oan chút nào, mình cũng thấy không giống chính mình, lúc trước. Đám giỗ nhà má, mình đứng đỉnh nón mớn nẩy, ném mớn kia, mà không biết keo đường, hũ muối nằm đâu khi có bà con hỏi (góc bếp đó ngày xưa mình gấn bó biết chừng nào). Bỗng thấy mình là con mà như khách, như người dung, như kẻ qua đường... Mình mất hết bạn bè vì tính lợt lạt, dửng dưng và tùy hứng. Chớ chuyện như vậy thì sao hàn gắn được, ba năm tụi mình mới có dịp gặp nhau tung bùng, vậy mà tối đó mình bỏ đi ngủ (nghĩ còn mai, còn mốt), nhưng sáng mở mắt ra bạn đã đi rồi, chẳng uống được chén rượu tiễn đưa, để say ngà ngà, thảng thốt đọc câu thơ "Sao lại chia tay vội vàng như dẻ". Như nước chảy qua cầu, mãi mãi không trở về được, có dựng lại khung cảnh ấy với những người ta yêu mến ấy cũng lạt nhách cảm tình.

Đã thấy thời gian ghê gớm vậy rồi mà mình có tỉnh ra đâu (nên ông Táo mới tức cành hông). Mình bỏ mặc bụi đóng lớp trong nhà, bỏ ông Táo dơ dáy, xo cò trong gian bếp lạnh, tối ngày chống móng vô xấp tạp chí về nhà đẹp, vườn đẹp, phòng

đẹp để... tham khảo. Nhà mình ấy à, sẽ là một ngôi nhà mặt trước ấn tượng với những mảng màu, phòng ngủ ở tầng trên cùng, giường, tủ giống hệt như trong phim Hàn Quốc, tầng lửng đặt ti vi màn hình phẳng và dàn âm thanh hi-end, phòng khách trang trí sang trọng với bộ bàn ghế màu mỡ gà, có hòn non bộ, nước chảy róc rách dưới chân cầu thang. Và còn một căn bếp sáng choang với hàng hàng tủ kệ, ông Táo tha hồ ăn sung mặc sướng. (Nhưng ông chỉ lắc đầu, sao không làm ơn quét bụi, dọn dẹp nhà cửa, móc rác dưới tủ chén ra dùm túi, lo chăm chút chi ngôi nhà mơ ước còn thăm thẳm trên... trời). Minh háo hức dạo cửa hàng, đi shop chỉ để ngắm quần xanh áo đỏ (cho thỏa mãn nỗi thèm thuồng chớ tiền đâu mà mua), tội chồng con ở nhà ăn mặc nhếch nhác, nhăn nheo. Áo chồng đứt chỉ, áo con đứt nút mình quần xà nùi để đó, chúí đầu vô coi những bộ phim mà chỉ cần giới thiệu diễn viên là đã biết tông tông tong tình tiết, cốt truyện, biết luôn đoạn kết ra làm sao.

Rốt cuộc, mình không làm gì coi cho được (dù chút xíu thôi, để làm thuốc).

Chắc ông Táo không đành lòng nhìn gia chủ chìm lút trong hư ảo. Ông khiến chuyện nầy chuyện nọ để cảnh tỉnh con nhỏ đang sợ sống... Ông cho mình gặp Chị, cho mình than, ui, thời gian trôi thiệt là mau. Và Chị cười, đâu phải vậy nà. Bốn mươi tám tuổi, Chị chưa chồng, mùa cưới năm nào cũng đùa cợt dằng dai. Quán quanh bên giường bệnh của má, Chị thấy một năm qua lâu thật lâu, bằng những khác khoải, lo âu khi má nói má đau, khi má ho khan lúc trời trở gió. Mới rồi má về

với đất, Chị đùm bọc đám em khờ, và năm tới của Chị sẽ qua thật lâu vì nhớ má. Thời gian chẳng là gì cả, khi người ta sống hết mình.

Như người bán vé số đã đi đến tận cùng ngày, mang chút tiền lời mua gạo nuôi con.

Như người nông dân nhọc nhằn đến cuối mùa, mong thay lá mới cho căn nhà đã dột.

Như...

Chắc ông Táo xui gió Chướng rập rờn qua cửa, xui người rình thúng củ kiệu đi qua để cho mình đắng đót buồn, mai tới rồi, đã hết hôm nay mà mình chưa kịp sống.

Chút tình sông nước

Không biết bây giờ bạn đang lang thang ở đâu, lên Sa Pa đi chợ tình hay đã xuôi chợ Viêng Nam Định, không biết đang sì sụp ăn ốc nóng ở chợ Âm Phủ Đà Lạt hay về miền tây Nam Bộ xuôi thuyền thăm các chợ đồng bằng. Được du khảo qua các chợ, đó là niềm đam mê không dễ gì dứt bỏ, có lần bạn đã nói thế, phải không. Vậy thì sao bạn không về thăm chợ nổi Cà Mau quê tôi?

Nằm giữa lòng thành phố Cà Mau, quãng cuối sông Gành Hào, đứng trên cầu nhìn về phía mặt trời mọc, người ta có thể nhìn thấy một dãy ghe rập rờn xao động cả mặt sông, những cái chân vịt gác chông lên loang loáng dưới mặt trời. Không biết chợ đã hình thành từ khi nào, phải chăng từ những chiếc ghe thương hồ xuôi ngược một hôm neo đậu gần nhau để mỗi xin chút lửa, trao đổi cho nhau nắm gạo lứt, tám vài bố tời, trái bầu, trái bí... mà nên một xóm chợ trên sông đồng đúc, sung túc nhất đồng bằng như bây giờ?

Sao bạn lại không thể cùng tôi dạo chợ trên sông, đi từ buổi

sớm mai trong lành để ngắm xóm chợ tươi tắn, nhiều màu sắc và lạ lùng trong con mắt người xứ khác. Mà, sao lại là buổi mai? Vì chợ lúc bình minh lên như thời thơ ấu của một đời người, đẹp đẽ, tinh khiết, trong ngần. Sương đọng trên chiếc mùng giăng trên mui ghe của đám trẻ con ngủ vùi, ngủ nướng rồi bâng lâng tan cho một ngày buôn bán bận rộn bắt đầu. Hàng trăm chiếc ghe to, nhỏ khảm lừ, đậu sát vào nhau thành một dãy dài, người bán, người mua trùng trùng trên sóng nước. Buổi sớm mai, đó là buổi của những chiếc xuồng con với các chị, các dì bán hàng ăn sáng, mùi thơm của các loại bánh lan tỏa xa hơn cả tiếng rao hàng, là buổi của những chiếc ghe hàng bông đổ ra từ trăm ngàn con sông, rạch để bỏ hàng rồi trở về theo trăm ngàn lối sông rạch cho chuyến buôn xa. Buổi của những chủ ghe tát bật bày biện sao cho mớ hàng hóa của mình mới mẻ, tươi tắn và tinh tươm nhất.

Ngày trước, chợ trên sông Cà Mau cũng giống như nhiều chợ nổi đồng bằng khác buôn bán rất nhiều mặt hàng từ nhu yếu phẩm đến thực phẩm, nghe kể, chợ bán cả bàn ghế, giường ngủ, tủ thờ... Bây giờ, cách buôn bán ấy chỉ còn ở những ghe hàng bông lưu động đến tận nhà người dân, riêng chợ nổi Cà Mau chỉ tập trung bán sỉ hàng hóa nông sản tươi, những thứ rau, trái miệt vườn. Với khách đường xa, đi chợ trên sông là để xem, để khám phá cái nguyên khí một miền quê lạ. Bạn không cần ghé vào từng ghe để xem hàng họ bán những gì, bạn chỉ cần biểu em gái chèo đò chèo chậm thôi, thong thả thôi ngang qua chợ. Bạn cứ nhìn cái nhánh cây thon, dài buộc ở đầu ghe kia, trên cây treo gì thì ghe bán thức ấy,

lúc la lúc liu trông lạ vậy, nhưng đó là tiếng chào mời không lời. Chẳng cần rao bán, chèo kéo nhưng khách cảm lòng nào mà bỏ đi. Cảm lòng được sao với cái màu đỏ thanh thao của trái đu đủ chín cây, đỏ au au của chùm chôm chôm, vàng ươm của khóm, xoài, xanh riết của cóc, ổi, tím của cà... Giữa chợ nổi Cà Mau, cảm giác như gặp được những khu vườn của miệt sông Tiền, sông Hậu, như nhìn thấy những rẫy khóm, rẫy mía miên man dọc triển sông Trẹm quê mình.

Mỗi chiếc ghe neo đậu ở đây là một ngôi nhà, ngang hai mét, dài năm bảy mét. Nhỏ bé, chật hẹp là vậy, nhưng khách thương hồ lại có tâm hồn hiếu khách, hào sảng, rộng rãi. Bạn đến, họ sẽ chẳng hẹp lòng gì mà không mời bạn nếm thử miếng dưa gang thanh thao, cái thơm ngọt lạ lùng của trái dứa nước, thử cái vị chua chua của trái dâu, trái khế quê nhà. Nếu bạn lỡ phải lòng cô bán hàng duyên dáng nào đó thì xin hẹn ước mau mau, để chẵn chừ về nhà rồi quay trở lại, sợ rằng sẽ đứng trên chiếc đò nhỏ chao trên sóng (hay lòng của ta chao) nhìn cây cọc buộc ghe vắng một sợi dây quen, có buồn lắm thì cũng đành hát "người đã đi rồi khôn níu lại". Biết làm sao được, bản chất của xóm chợ này là vậy, hợp rồi tan như lục bình trôi, như bèo dạt.

Tôi luôn nuôi một niềm hy vọng sẽ cùng bạn lênh đênh trên chợ nổi quê mình. Khoe cái sầm uất, rộn ràng của chợ buổi sáng, buổi trưa, cho bạn cảm nhận cái man mác buổi chiều. Cái man mác buồn đúng là của một chiều phố núi nào đó, một xóm nhỏ heo hút nào đó nhưng ở trên sông này vẫn có nét riêng. Những chiều tà, chợ nổi điều hiu hắt bập bẹn đậu

hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, đỏ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xói nổi corn nghi ngút khói, những người đàn ông xếp bằng ngồi trên mui ghe vấn những điếu thuốc to đùng bằng đầu ngón chân cái, phì phà nhả khói lên trời. Những đứa trẻ con ngồi tênh hênh trên mui ghe câu cá chốt, cá mè. Những cô con gái sau một ngày bán hàng mệt mỏi tìm niềm vui bằng việc nặm nịu chăm nom cho mấy bụi hẹ, chòm rau húng lủi, vài cây ớt óm nhom trong cái khạp bể để trên mui ghe mà nghe phảng phất niềm thương nhớ đất.

Bình dị vậy mà chợ nổi quê tôi đã đi vào nhạc, vào thơ, vào những bức tranh, bức ảnh. Những văn nghệ sỹ đến, làm nên tác phẩm rồi đi mà vẫn hện lòng quay lại bởi niềm hứng khởi trước những vẻ đẹp lạ lùng, đặc trưng của miền sông nước mãi mãi không bao giờ cạn. Vậy sao bạn còn chưa đến với đất quê tôi?

Nước sông Gành Hào ngày ngày ra biển rồi lại quay về há không phải vì không nở xa, không phải vì thương nhớ chợ nổi Cà Mau đó sao? Sông còn vậy, hướng chi người?

Bùa yêu và con nhỏ thất tình

Cuối cùng thì thiệp cưới cũng đã đến tay, thằng bạn mà mấy lâu con nhỏ thương thầm sắp lấy một cô giáo nông thôn lạ hoắc. Con nhỏ buồn muốn chết. Buổi sáng nó còn tình táo ăn cơm với cả nhà, nở mấy nụ cười méo xệch, chứ hiu hiu chiều là chực khóc. Trời ơi, sao mà nhớ, mà thương cái thằng đó quá chừng. Thấy cây cúp móng con nhỏ nhớ bạn mình có tật thích để móng tay dài. Nhìn tóc cũng nhớ tóc bạn dài. Nhớ chẳng nhớ chịt. Đến nỗi coi sư tử Châu Phi trong ti vi cũng thương tiếc cồn cào, thì lần trước có dịp ngồi với nhau xem chương trình "Thế giới động vật", thằng nó bảo trong nhóm bạn mình, con gái đứa nào cũng dữ như sư tử, chỉ có con nhỏ là hiền, hiền thấy mà thương (vậy mà không chịu cưới người ta dùm cái).

Mà thấy xót con quá, chạy đi than thở hàng xóm. Hàng xóm mách nước có ông thầy bùa Chà trong hẻm Tèm Lem

hay lắm. Ông cho một tấm bùa, kéo thằng kia quay lại, mấy hồi.

Con nhỏ nghe má nói lại, con nhỏ cười, "Thí dụ như bùa linh nghiệm thì ánh sáng bên con cũng đâu phải của con". Ừ ha. Nói phải à. Sẽ khổ sở rất dài khi mắt ta thấy những cử chỉ thương yêu, tai ta nghe những lời nói ngọt ngào mà trong bụng ta biết tỏng tòng tong tất cả đều không thật. Lúc đó ta sẽ chết dần mòn vì đau tui, chắc còn vất vả hơn giai đoạn thất tình bây giờ, khi cứ canh cánh trong lòng: thằng cha nẩy tình tứ với mình là nhờ... tấm bùa chứ chẳng xuất phát từ tình yêu gì đâu. Và cái cười dịu dàng kia, ánh mắt ấm áp kia, nụ hôn ngọt ngào kia, vòng tay nồng nàn kia... thấy vậy mà không phải vậy. Ta nhìn cuộc đời thấy lệch lạc, mát mát ít nhiều. Đó là chưa kể phải thôi thóp lo âu, sợ tự dung một ngày bùa thiêng hết tác dụng, thằng bạn rùng mình một cái, ngờ ngác hỏi ủa, sao hai đứa mình nằm chung giường vậy, xin lỗi ghen, chắc tại hồi hôm tui xin quá nên chui ấu vô mừng bà. Rồi thằng bạn nhìn về mặt đau đớn của ta, kinh hoàng: "Trời đất ơi, bộ tui đã làm gì bậy bạ sao?". Tất cả sẽ chấm dứt ở đó, thằng nọ phải sạch những ngày tháng mặn nồng cái rột, bỏ lại ta một mình chìm dưới đồng ký niệm thương yêu. Với ký ức trống trơn, thằng nọ phơi phới ra đi, còn ta thì nhớ hoài, đau hoài...

Rốt cuộc, con nhỏ thất tình kết luận, "Má ơi, vụ bùa yêu con thấy không bền. Tình cảm xuất phát từ tấm lòng mới quý. Níu kéo làm chi những cái không phải của mình..."

Ui chao. Giật mình. Hết hồn hết vía. Những chức tước, bổng lộc... mà người ta đang chạy rần rần để tranh giành, chiếm đoạt, để xin... một tí coi kỹ thấy giống bùa yêu lắm nghen. Nó sẽ làm cho tâm hồn người ta không yên ổn, mất mát và nơm nớp dai dẳng.

Con nhỏ thất tình quyết định không chơi bùa. Nhưng sẽ còn nhiều, nhiều người sẽ hỏi đường vô hèm Tèm Lem để kiếm ông thầy. Nghĩ mà hồi hộp quá trời...

GIÓ MÙA THAO THỨC

Những ngọn gió tháng mười ráo khan đã thổi về rạch Mồ Côi. Không ngủ được, má dậy sớm nấu ấm trà mang ra chòi vuông cho ba. Má biết, cứ nầy ba cũng đang thao thức.

Thức, vì đêm nay kỷ niệm chợt theo gió về kinh hãi. Nghe gió, tưởng bên ngoài cửa chòi, lũ cá rô đang đớp móng dưới trăng giạt mình quẩy chùm. Nghe như tiếng những cây dao yếm mần cá chặt đều trên mặt thớt mù u. Nghe phảng phất mùi tanh tanh của khạp cá muối chưa chao nước mắm. Tháng nầy năm ngoái, Rạch Mồ Côi vào mùa đìa, mùa thu hoạch cá đồng lớn nhất trong năm.

Ừ, năm ngoái, cũng gió nầy, nước trên đồng cạn dần, cá nhà ta giã từ hết mùa mưa rày đây mai đó, gió từ những bữa ăn ngon trên chân ruộng, chân rừng, buồn tình rút xuống mương, đìa, ca "La la la, ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục cũng ao nhà". Thấy cá ục sôi dưới đìa, mắc nôn nao trong ruột. Hai ông bà không ngủ được, nghe cá lóc tấp phập trên mặt nước, tiếng gợn hơ như dừa rụng, ba nói, con nầy cá ký lô ghen, bà. Má cãi, hông tới đâu đó ông ơi, chừng

nửa ký là cùng, cá lóc tấp nghe hờm vậy chứ. Ba cười, già đầu rồi, hồng lê tui cái qua cái lại với bà như con nít. Rồi má châm một bình trà đậm, bưng lại chỗ cửa sau, rủ ba ra ngồi. Vừa tráng nước nóng mấy cái ly, má hỏi, năm nay ông tính cứ nào thì xuống lười?

Thấy đằng xóm làm đĩa, má nôn nên hỏi vậy, chớ má biết, năm nào cũng chờ cận Tết, chờ đám con cháu về đủ. Chúng nó bôn ba thành thị, chen chúc nhọc nhằn ở đó cả năm rồi, chừng về, phải đãi cho tụi nó mấy bữa cá đã đời.

Ba má làm nông dân chỉ có chút nẩy làm niềm vui lớn cho con. Ở thành phố, đám con cũng đủ đầy, nhưng chẳng bao giờ được sống đầm ấm như vậy, được đứng ngồi quay quần, ríu rít với nhau ngoài bờ chuối, bờ dứa mát rượi, khói tỏa quanh, nóng nần, khung cảnh vẫn như ngày chúng lên tám lên mười. Coi cái cách ăn của con, ba má mừng chúng vẫn chưa thay đổi, tánh ý hồi nhỏ sao giờ vậy. Thăng Hai với con Năm mê cá lóc, khoái thấu trời món cá nướng rom chấm muối ớt kèm rau húng lủi, bắp chuối non. Hai đứa nói với nhau, trời ơi, mùi khói nẩy nó thơm, ngọt làm sao đâu á, nghe như đang ở giữa đồng lúa quê mình, như hồi còn đi dặm cù bắt chuột hén anh. Thăng Ba ngồi ở một góc khác lặng lẽ, chắc lười hít hà với mấy con cá trê vàng nướng, nó ngồi trở cá, mắt lom lom vô con cá bóng nhảy, mỡ nhỏ xèo xèo trên bếp lửa, tô nước mắm gừng để tum hum trong lòng. Con Tư chê cá rô, cá trê, ghét cá lóc (hồi năm tuổi, nó nhào vô cái lu đang rọng cá nên bị cá lóc phóng trúng, con mắt sưng như trái ổi, xanh dờn), nó lảng xãng làm cá sặc nấu

com mè, nó nói cái tạng nó nghèo khó, nhân nhó nên chỉ hợp với cá sặc thôi. Anh chị nó cười ha ha ha, ui cha, ba má ơi, nó nói vậy chớ ở thành phố bây giờ ăn cá sặc là sành điệu lắm, nhiều bữa, muốn ăn cá sặc kho sả ớt mà kiếm không ra, thèm muốn rót nước mắt luôn vậy đó. Má ngồi nhìn con cháu đang cười đùa ăn uống, nhớ thằng út vừa vào bộ đội, cứ nầy, ở đơn vị, nó có biết gió về không, có thèm không một nồi canh chua cá rô đồng bông so đũa?

Má khum tay che cho khỏi chói, ngược lên nhìn bông so đũa nở trắng xóa trên đầu. Những thứ bông rau đồng cùng như có hẹn với mùa đìa. Đám con má chỉ cần với một chút là hái được những đọt chùm ruột trên đầu, những đọt sung hơi chát, nhưng cặp với cá lóc nướng rơm thì ngon không biết tả vào đâu. Rồi mớ rau đắng đất ngoài bãi lá vào thời non lấy bấy, gừng thì đang già, đang vào độ nồng nàn, trái dắc treo từng chùm xanh xanh trên lùm lức. Đất quê nhà cũng thương những đũa con xa như tình thương của ba má vậy.

Nhưng năm nay bông so đũa đã nở trắng bờ rạch, bờ mương, mùa cá cũ thôi không còn nữa. Ba nhìn ra cảnh đồng sâu hút, tối mênh mông, gió mênh mông, nghe lạnh lòng quá, mới nhắc, “Năm ngoái, cứ nầy, mình nhậu mệt nghỉ bà hén”. Má cười, ờ ờ.

Má nhớ bữa làm đìa nhà Tư Nổ, má với mấy “ní”, mấy “chị sui” xin quá trời đất. Nghĩ, đàn bà con gái xứ nầy thiệt hết biết, uống rượu còn hơn đàn ông, nhậu xinh xang còn bày đặt nháy nhót cả dựng (chớ có biết Rumba, Cha Cha Cha gì đâu). Nhắc lại còn nghe mắc cỡ quá chừng, hôm đó, mặt

mày má đỏ gay, đầu tóc đầy vảy cá, già thờ không ra hơi mà ca vọng cổ ngồi ngời. Ra về ba còn chọc, tui thấy bữa nay bà đẹp hơn mọi bữa à đạ. Má cười, ông già quý.

Nhắc lại, ba nói mùa đìa năm ngoái là mùa vui nhất mà cũng buồn nhất, vì đó là mùa đìa cuối cùng. Bà con bàn rạn chuyện năm tới Rạch Mỏ Côi chuyển qua nuôi tôm, nghe nói người ta bên Năm Cấn, Ngọc Hiến nuôi tôm ai cũng cất nhà tường. Xóm Rạch mình còn nghèo quá, chỉ hai vụ lúa với một mùa đìa, ai có vườn rộng trồng cái trồng bầu, được thêm chút tiền huê lợi, nhưng đâu vô đó hết, sống đắp đổi, không dư, bây giờ nhà nước cho nuôi tôm thì mừng chứ. Hôm đó, chỉ có ba má là bản thân, hồi nào giờ cây lúa cũng chung thủy với mình, bây giờ quay mặt với nó, không lẽ tệ vậy. Má nói, vậy rồi năm tới mình có tụ lại vui như vậy không. Được chớ, Tư Nổ cười khà khà khà, nghe nói nuôi tôm một năm bằng chục năm làm ruộng đó, năm tới tui xây nhà lầu, bà con kéo nhau lên sân thượng nhậu tép luộc mát trời. Mà, hông chừng tui còn sấm ti vi màu, đầu máy di déo, sấm điện thoại di động, Tư Nổ ngẩn ra, nước miếng chảy xuống chỗ môi chẻ thâm sì, tướng tui mà cầm điện thoại di động coi sang lắm nghen.

Ba nhớ lời của Tư Nổ hoài, vì anh đã vẽ bức tranh tôm mù mịt thành những điều rất thật, thật như đang rờ đụng vậy. Vậy mà đêm hôm qua, ba rượt Tư Nổ qua mấy cái bờ mới túm được anh, cả hai loi ngoi ướt, ngồi trên bờ, tay vẫn còn nắm cái áo rách te tua của anh Tư, ba nhắc câu nói xưa của anh, không sai một chữ. Anh bật khóc, khóc vì cùng

đường đi đổ lú trộm tôm vuông ba, bị ba rình bắt, hay khóc vì thương tiếc mùa xưa. Rồi vợ Tư Nổ chạy lại, chỉ biết lí nhí xin tha cho chồng, chị nói hồi nãy tôm tép không có, tụi con khổ quá, bản cùng quá, chú thím ơi... Má ngậm ngùi, người phụ nữ này, năm trước một tay câu eo ếch má, còn tay kia cầm cây chổi nháy cà tung. Sao tới nông nỗi vậy... Bốn người ngồi với nhau, lặng lẽ, hồi lâu, day qua chị Tư Nổ, má nói, “Thôi, coi như là lá lành đùm lá rách, rách ít đùm rách nhiều, rách nhiều đùm rách nát, bây biết mà, tao cũng nghèo”. Rồi má trút mớ cá phi rọng trong xô ra giỏ, giúi vào tay chị, biểu chị đưa chồng về, kiếm đồ khô mà thay, để vậy cảm lạnh chết.

Lúc vô nhà thấy cửa mở toang hoang, cái lư hương không cánh mà bay mất. Ba má tính rụi, không phải hô hoán lên làm chi, hôm rồi mất ông Tà ngoài miếu, hôm trước nữa thì mất cái lon cặm nhang trên bàn thông thiên. Ba cười buồn, “Mai là tụi nó trả lại, tụi nó mượn để cầu số chớ đâu”. Tôm chết hoài cũng buồn, nên rủ nhau đánh số để chơi, may ra. Nhưng may thì ra, rụi lại vào, xóm Rạch Mỏ Còi vừa tiễn đưa một gia đình ly xứ. Chú thím Chín bên kia rạch thua sạch nhà cửa đất vườn, xuống ghe bắt đầu một cuộc nổi trôi, hôm ra bến, chú mếu máo nắm tay ba, bảo “Biết chừng nào vợ chồng tui mới gặp lại “anh chị sui”, để tụi mình nhậu với nhau tới trời đất”. Phải hôm đó có mưa là cảnh mùi lòng y hết trong phim. Bây giờ, ba vẫn thường đứng nhìn phía nền nhà của bạn, cái nền phèn vàng trắng, xộp như nước đá bào, bên phải vẫn còn nguyên

chỗ cầu ao, nước mặn ngấm vào, nước trong thấy đáy, chẳng có bông súng nào mọc ở đó, chỉ thấy rong nhớt xanh dờn, trôi linh phình.

Xóm Rạch bây giờ buồn, chẳng có cái gì để vui chung với nhau như hết mùa lúa, như xong hội địa, như năm cũ. Người trúng tôm thì lảng lảng không dám khoe (vì sợ trộm), người không có trao tráo khăn vải trời. Hễ mười vuông thì thất bát hết bảy vuông, vì không ai hiểu rành con tôm hết, không ai biết con tôm nó đóng đanh cỡ nào, vậy mới khổ. Nước mặn thấm vào, vườn tược trụi lơ, xơ xác hết như vừa qua bão, cây trái teo héo, chặt năm trái dưa mới được một ca nước, cọng cải lá rau, trái ớt, trái bầu... cũng phải mua. Nửa đêm nằm nghe người nào đó ca văng vẳng ở mấy chòi trên, giọng sao buồn rượi vậy. Quê xứ như cô con gái trót lỡ khôn ba năm, đại một giờ, bắt đầu nhớ tiếc vì mình đã đứng núi này trông núi nọ. Ba nhìn má qua ảnh đèn chong leo lét, chợt giật mình, đôi gò má của người vợ hiền năm ngoái còn hồng vì rượu, nay đã se sắt quắt queo vì trơ trọi dưới nắng và gió trời. Hồi lâu ba nói, “Tiền bán tôm mót hóm rày được bao nhiêu bà? Sớm mai nầy bà ra chợ huyện, lựa mua một ít cá rô mè, mót là thằng út về phép, nấu cho con nó nổi canh chua cá rô bông so đũa, tội nó”.

Má gật đầu, khê hóp một ngụm trà, thương đấng đót đăm con xa nhà, Tết nầy, ừ Tết nầy con của má về, mà, má ba chẳng có gì cho tụi nó.

Sớm nay, trà vẫn pha nửa vốc tay như mọi bữa sao mà nghe đắng quá vậy nè?

Ngơ ngác mùa dưa

Văn phòng của Ban Quản lý khu quy hoạch nằm giữa xóm đê. Mỗi khi ông già nhìn về phía đó, đều bốn chồn, trời ơi, sao mình chạy đi đâu nó cũng rượt theo vậy cả.

Đất nhà đã đô thị hóa, đã tro hốc cát với bê tông, nhưng gió chướng không thương nên đến hẹn lại rập rờn qua cửa. Ông chạy vào vạt đồng nầy thuê đất trồng dưa hấu. Năm đầu tiên, ông đốt rạ lên, nghe khói trên đất-người-ta cay xè con mắt. Lãng xẹt, ông tự cười, hai vạt đồng chỉ cách một con mương rộng, có xa đâu, mắc gì mà buồn. Dù thế, tha thiếu trên đất quê người cảm giác cứ xót xa.

Năm nay, mảnh đất mà ông thuê cũng rục rịch quy hoạch. Người chủ đất ngậm ngùi, "chắc là sau Tết tui giao giấy đỏ cho người ta, tìm phương kế khác làm ăn, ông cũng đừng có buồn...". Hôm vác đá ra ruộng để lên giống, ông thấy giạt mình vì đồng vắng tanh, vắng ngắt. Cỏ mọc bít những lối mòn trên bờ ruộng, bông cỏ vượt lên đầu ngọn lúa xanh rờn. Người

trong xóm không còn tâm trạng để chăm chút đất đai, họ bốn chồn chạy qua chạy lại nhìn nhau, bốn chồn nói cười, bốn chồn ngó những ô xanh đỏ trên bản đồ quy hoạch, kia, cái chợ đó nằm ngay trên đất nhà tui.

Ngơ ngác, nồn nả trước cuộc đổi đời, đám bạn rầy của ông quên cả mùa dưa hấu đang tới. Cá ngọn gió chướng liêu xiêu cũng không đủ để nhắc nhớ. Thành ra chỉ còn mình ông, sẽ đi qua ba tháng rông rã. Tươi dưa xong, ông già ngồi hút thuốc ngó trời, nhớ thằng Bảy Trị, Ba Thám bây giờ người chạy xe ôm, người mở tiệm buôn bán nhỏ, tiệm bida, karaokê hay dạt đến một cánh đồng xa hơn, tiếp tục sống đời nông dân “ăn chắc, mặc bền”.

Tết này, giữa chợ, ông sẽ gặp lại bao nhiêu người trong số đó? Hay cả một vùng dưa Lý Văn Lâm nổi tiếng chỉ còn tum hùm đồng dưa của ông?

Nhớ năm ngoái, cũng cứ này, cũng trên cánh đồng này, cả bọn còn uống rượu cùng nhau, thấy thời tiết hanh hao, hóm hớ dầy qua những trái dưa thắm xanh nằm lăn lóc trên giồng dầy lá đém, bàn Tết nay chắc trúng lớn. Đường như, ngay lúc ấy, chắc là đất dự cảm được sự chia lìa, nên dâng hết phù sa. Dưa hấu được mùa, được giá, bọn ông được về nhà trước giao thừa (cái nghề của ông, về trước giao thừa là một niềm hạnh phúc lớn). Phải biết là mùa cuối, thế nào ông cũng rú cánh trống dưa tum lại nhậu một bữa, ca hát tung bừng, để sau này cồn cào khi nhắc nhớ.

Bây giờ thì ông uống rượu một mình, nghe lạt nhách, lằng

xệt. Những người khác đã bị (hay được) bứt ra khỏi cánh đồng, như chưa từng vui, buồn, chưa từng đắm mồ hôi, chưa từng rơi nước mắt...

Chỉ còn đồng đất đìu hiu cây cỏ dại. Và ông. Lâu lâu, có mấy người từ xóm đê chạy túa lên đồng, ông mừng hóm, vừa hay mình thêm người. Họ, cũng có vài thằng bạn rầy của ông, xúm lại coi đá gà bị công an vây bắt, mới vọt ra ruộng thoát thân. Gặp ông, họ bảo "Thấy mấy giống dưa ngán ngược, nhớ hồi đó cực thấy mồ tổ, ham gì mà ngồi thù lù ở đây, anh Hai?". Ông cười, "Ờ không buồn tay buồn chân quá, vói lại...". Nhưng ông không biết diễn tả thế nào, mười bảy năm nay, ông quen đếm tuổi mình bằng một mùa dưa, đếm ngày qua bằng hai củ tưới, đếm tháng hết từ những trái dưa chắc nụi nằm cùi cùi, phồng phao trên giồng... Ông không thể nhắc lại cái cảm giác mà họ vô tình (hay cố tình?) quên, nổi vui nhìn hạt nứt mầm, dây soãi bò đan nhau trên mặt đất, hoa rơi từng cánh cho trái thò đầu ra đón nắng, rồi bằng trái chanh, trái cam, rồi bằng trái bóng nhựa, rồi dưa căng mẩy, mọng nước trĩu trên tay... Hay cái cảm giác đau nhói, rã rời nhìn dưa nứt như pháo nổ khi cận ngày cắt dây lại gặp trận mưa rào... Họ quên rồi. Họ bắt đầu những tháng ngày mới, có tiền rùng rinh nên thông dong chơi, nghe đâu, nhiều người đâm ra cờ bạc, rượu chè be bét.

Ông thôi không còn nhớ đám bạn rầy nữa, chỉ tiếc một vùng dưa. Ông đã tự hào về nó biết bao nhiêu. Có lần những xe dĩa Đống Tháp xuống, họ cảm báng mạo nhận là dưa Lý Văn Lâm, ông yêu cầu hạ báng, "Không phải tui làm khó người

ngoài, nhưng đâu ra đó, xin đừng làm mất uy tín dưa Lý Văn Lâm...”. Dưa đất nấy không đặc sắc như xứ Cái Keo (ở đó người ta bón phân bằng phân tôm, nên dưa xộp, ngọt lịm như đường), nhưng nhờ lợi thế trồng ở ngoại ô thành phố, tiện chuyên chở, sát Tết mới cắt dây nên giữ được lâu. Ông thường nâng trái dưa to nhất lên, vỗ nhẹ với vẻ âu yếm, bảo với khách hàng, “Dưa nấy để hết Mừng bảo đảm còn ngon, ủa nông dân tui tui nói mà bà con không tin, thì còn tin ai được nữa?”.

Tin chớ, bây giờ thì người ta đã tin tưởng, trông đợi, tìm kiếm. Nhưng vùng dưa ấy mai một mất rồi.

Có điều, ông vẫn có cảm giác, bằng một cách nào đó, ông đã gặp những người bạn rẫy của mình, những nông dân chính hiệu, những người hỏi trước hay nói đùa, “Máu tôi chảy ra cũng thấy hai chữ “trồng dưa”. Có cảm giác như ông đã gặp, vào một ngày trở gió, dù ở cách nhau năm đồng bẩy đổi, dù kẻ ngược người xuôi, đều bật dậy, kêu lên, “Ý, mau mau, vô mùa dưa rồi”. Nếu thật tâm trạng người trồng dưa nào cũng giống nhau, thì họ cũng muốn gầy dựng lại một vùng dưa đã mất...

Mùa sau, có lẽ ông sẽ đạt đến một cánh đồng xa hơn, nơi mà đô thị chưa đuổi kịp. Lại đốt rạ, lại nghe khói trên đồng xứ người cay sè con mắt. Lại dè chừng một văn phòng Ban quản lý dự án nào đó bỗng hiện lên, giữa ruộng...

Nói cho cùng, cái văn phòng ấy không có tội...

Chợ của má

Tôi gọi những cái chợ ruộng dân dã này là chợ của má. Bởi nó hiền lành, lam lũ như má, bởi chợ nhỏ nhoi, khiêm tốn như má, nhưng nó mang một cái hồn sâu, mệnh mông lăm nên người ta nhắc nhớ hoài, thương hoài như thương... má vậy.

Bất cứ khu chợ thực phẩm nào ở thành phố Cà Mau cũng có một góc nhỏ dành cho người chợ ruộng. Chợ bắt đầu từ tiếng xe lam chở hàng lặc lè, âm ì trong buổi sớm, bằng tiếng trò chuyện êm đềm, bằng đôi tay oằn, đôi chân mỏi. Chợ bắt đầu bằng những cái bao ni lông trải ra nền đất. Bàn tay nào bày ra đó mấy trái dưa khô, mấy nải chuối vàng, con vịt lặc cạc bên rổ trứng. Trên thúng, trên nia lún phún nhô lên những ngọn rau ướng sương cong cong.

Hầu như tất cả rau trái ở quê mình có, ở chợ ruộng có. Từ rau muống, rau lang, mồng tơi, búp ngót đến lá chuối xanh, lá dứa, bó sả, nhúm ớt... Rồi cá, rồi gà, vịt, chuột đồng... Ngày rằm, ngày ba mươi, chợ trang điểm bằng bông

trạng được cột thành khóm đỏ tươi bán cho những người cúng bàn thờ Phật. Mồng hai, mười sáu, chợ lúc nhúc những chú gà non tơ. Trời hạn, chợ bày thúng rau đắng đất run rẩy xanh cho ta thêm một nồi cháo tống. Bữa nắng chiều, chợ có rế tranh, mía lau... Mưa xập xoài, chợ lớn nhốn ốc lát bán kèm lá ổi, lá sả. Những con ốc lát vừa cựa mình trở dậy từ đất, thịt cứ ngọt lừ. Cũng cỡ này, người ta bán xối rau muống đồng, loại rau muống bị chìm trong nước nhú lên những cái đọt non mềm, cỡ một gang tay, trắng nõn, tương như có thể bẻ bằng mắt một cái “bụp” ngon ơ. Mùa nào thức ấy. Nhưng có hôm ta thêm thứ trái mùa lại gặp ở đây thứ trái mùa. Vô tình, chính con người nón rách áo túi cùng những món hàng đã khoác lên cho chợ ruộng một cái áo bình dị, một linh hồn hiền hậu mà rất đổi thiêng liêng. Thêm vào đó một chút thâm trầm dân dã. Thì có gì dân dã bằng nắm rau càng cua mọc từ chái hè, mấy trái bình bát chín hươm mọc từ hào ranh, rổ đọt lúa hái từ sân trước...

Chỉ có vậy mà những bà nội trợ đắm đuối mê đắm mê đuối chợ này. Họ mua được nhiều rau tươi, cá tươi, giá lại rẻ do gần như người bán chỉ lấy công làm lời. Họ mua được đầy ắp lòng tin từ bàn tay cần cù của những tấm lòng nóng dân chân chất. Và những người xa quê nhớ quê nhà.

Những người ra chợ Cà Mau đều từ ngoại thành, từ những địa danh như Bà Bèo, Đàn Âm, Nhà Phấn, Tân Thành, An Xuyên vốn có truyền thống trồng rau, đi chợ. Lợn rau muống giá 150 đồng, nhúm đọt chùm ruột giá 500 đồng, xấp lá chuối 1.000 đồng... Thật ra, nhà nào cũng có một vài công

ruộng nhưng “ngồi không ăn lúa kho cũng hết, nên đi bán kiếm ít dính tiền”. Khuya sớm gánh gồng đi chợ, chợ tan, các mẹ, các chị về nhà, lua vôi vài chén com, lại tần tảo quấy giỗ, cắm dao ra vườn lo buổi chợ mai. Cát, lật, rửa, bó lộn... loay hoay cũng đến tận chiều. Bàn tay thấm nước, nhân nheo, bàn tay tái nhợt. Vậy mà buồn (chắc là nông dân ai cũng buồn kiểu này), họ không định đoạt được giá cả món hàng. Nó có thể rẻ, rất rẻ (mở hôi có rẻ vậy bao giờ).

Đội rau đi chợ trở thành một công việc đẹp của người nông dân tự đời nào không biết. Tìm được một người đi chợ lâu năm không khó, chỗ này, đằng kia đều có mặt những người đi “tính từ hồi đó đến giờ tui đi đứt cỡ 50 đôi dép Lào”. Họ là những người gắn bó máu thịt với cảnh chợ quê này không chỉ vì mưu sinh mà là mối gắn bó thiêng liêng. Không có rau, không đi chợ, đêm... buồn. Có người lặn lội đi bán từng trái bình bát chín, không đủ tiền đi xe thì đi bộ, “miễn sao đỡ ghiền chợ. Ở nhà buồn tay buồn chân, đi bán, một trăm đồng cũng đỡ một trăm”. Những đồng tiền nhỏ nhoi nhưng đầy niềm vui bởi nó được làm ra từ giọt mồ hôi mặn, từ tấm lòng lương thiện, thẳng ngay.

Những chuyến hàng lại ra chợ vào buổi sớm mai.

Nên sáng nay con đứng nhìn và con nhớ má. Ngày xưa, có phải má con mình ngồi đằng kia, trong góc đó? Và con ngồi chồm hồm, mắt ngó về ông già bán kẹo mà tay chắt chiu rổ trứng gà con con. Ôi! Nhớ hồi xưa quá, má há?

Lời cho má

Bây giờ không biết đã mấy mùa tôm rồi tôi trở thành một đũa-con-hàng-xóm. Bao lâu rồi con không còn leo đèo theo gót má để chia chút dãi dầu, hả má ơi? Bao lâu rồi má không còn dịp để dạy con hiểu được ý nghĩa của giọt mồ hôi rơi xuống...

Má tôi là nông dân, suốt quãng thời gian cầm bút, mỗi khi tôi viết về người nông dân tôi lại nghĩ tới má. Trong tôi hiện lên đôi bàn chân ngắn, bè ra vũng chầy, những cái móng chân kháng phèn, dày, đầy xơ. Một khuôn mặt sạm đen nửa đêm thao thức, nghe gió về lo lúa đang trở ngoài đồng bị lem lép hạt. Một mái tóc bạc trắng, những sợi tóc sâu loãn quần mọc trên đỉnh đầu, đám con cháu hăm he nhớ hoài mà chưa có ngày nào má thành thoi. Một dáng người chắc đậm tong tả đội rau đi chợ trong sương sớm. Một đôi tay cục mịch với những đốt xương thô mà sàng gạo như múa trong trưa vắng. Một bóng người sương khói ngồi tan nôi đất, cái mùi cảm khét ngọt, nghe nổi nhớ quê dậy động trong lòng.

Không có gì khác đâu, cũng như mọi bà má quê khác, má tôi cũng hiền lành, tháo vát, giỏi giang... Má tôi cũng có những đứa con không bao giờ nhớ tuổi má, không bao giờ nhớ thời thanh xuân của má. Nhưng má không buồn, chỉ buồn khi tôi về, ngồi than bên bậc cửa, làm cái nghề viết văn cô độc, cực khổ quá má ơi, má tôi lặng lẽ buồn hiu. Buồn vì không hiểu văn chương, không thể diu dặt, nâng đỡ tôi trên con đường nhọc nhằn đó, nhưng má không hay rằng má giúp tôi nhiều lắm.

Bảy tuổi, má dạy tôi trồng rau, tưới rẫy. Tôi lon ton đi chặt cây, kiếm sậy về cho má làm giàn cho dưa leo, mướp, đậu rồng. Những buổi chiều còn nắng, má xới đất, lên giống, tôi lấy dao phay băm cho đất tơi ra để kịp lúc ba đi làm về gieo hạt cải. Ba má quấy tưới thùng to, tôi nơ thùng nhỏ, nước sánh ra ướt đầm đĩa. Tôi biết chống mông ngồi rửa rau cần, ngò gai ở cầu ao cho má bó từng lợn nhỏ, tay tôi mới bọt bọt một chút má đã xót xa, kê tay má đẩy những mảng nước ăn, đau nhức tới từng đốt xương sao má không than hả má. Nửa khuya ra chợ, tôi xách cái giỏ nhỏ chỉ đựng ghế ngồi với mấy cái bao trái để bày hàng, má đội thúng ngò, má cứ hỏi có lạnh lắm hôn con, gió bắc thì cứ hiu hắt cắt da, nước từ cái thúng đội đầu cứ nhỏ long tong xuống đôi vai má. Khi đó tôi không hề biết hỏi, má ơi má có lạnh không, mà, chỉ câu nói của tôi, má ấm lòng biết chừng nào.

Năm tôi mười tuổi, cả xóm rủ nhau làm nấm mèo. Má cũng cố làm thêm lúc nông nhàn để tăng thu nhập. Sau mỗi buổi học, mấy anh em tôi với má bơi xuống đi hàng năm ba cây

số mua so đũa. Anh tôi đốn, róc cành xong, hai má con tôi vác xuống xuống, sợ phía tôi nặng, má gánh tới nửa thân cây, tôi chỉ te tái vịn hồ một đầu còn lại mà tưởng mình mạnh giỏi, cái cây bự chàng vậy sao mà vác nhẹ hắng nhẹ hơ. Đường về nhà phải qua con đập, thường là quãng cây lên để kéo xuống qua, những lúc mưa nhiều, đập xả, nước từ trong kinh tràn ra như thác, nước cứ lăm lăm nhấn chìm chiếc xuống khảm lừ tìm cách đi ngược vào. Má chống chỏi đàng lái, tôi nhảy ào xuống nước nắm mũi xuống kéo đi, qua đập, ướt như con chuột, má khen tôi giỏi mà sao nước mát má rơm rớm vậy.

Làm nắm mèo cực nhất là lúc vô mùa, phải cua cây thành khúc, đóng lỗ, vô meo... Cũng không lâu nhưng đủ để vai má tôi cán hẳn những cái rãnh sâu sần như vỏ cây so đũa, đủ để mấy đầu ngón tay ám mù và bàn tay cầm búa chai rộp lên...

Coi lại, hỏi nào tới giờ, nhà tôi làm nghề gì cũng cực thẩu trời thẩu đất, làm gì cũng nặng nhọc, cũng có thể đong mỗ hôi bằng khạp, bằng lu. Mà, dù có làm gì thì má tôi cũng là người gánh chịu nhọc nhằn hơn hết thầy, ba tôi chỉ hự hợ chút việc mỗi khi tan sở, má không buồn, má nói, ổng đi làm cách mạng mà. Tôi mười bảy tuổi, thôi học, theo má bán gạo, cám. Ngày nào má cũng bơi một hai xuống gao từ máy chà chớ len lỏi theo dòng kinh dày những cây cầu khí để mang gạo bán tận nhà người ta. Tôi ngồi đàng mũi, qua cầu cao thì lấy trớn đẩy cho xuống đi nhanh, cầu thấp lè tè không quá mũi xuống, không đi được tôi giở cầu cho má bơi. Tôi học từ má, rằng gạo Một Bụi dài, thon, óng ả, gạo Tiên Lùn hạt ngắn,

đục như nếp, bầu bình, gạo Nàng Gáo tròn vo, cứt lún, no căng... Gạo càng trong càng cứng, khô com, gạo đục, có ngòi là com mềm com dẻo... Lăn lóc với bụi cám, tôi nghiện luôn cái mùi thơm nồng nàn đó. Má nói rằng, mùi gạo đầu mùa khác mùi gạo cuối mùa, mùi gạo trắng khác với mùi gạo lức, và cho tới bây giờ, mỗi khi bung chén com, tôi lại nhớ cái vị béo ngậy ngậy, ngọt ngào tinh khiết của gạo sống.

Bán gạo cũng có cái cực trần ai khoai củ của nghề bán gạo nhưng má tôi gắn bó với nghề rất lâu, chắc vì nó gắn gũi với hạt lúa, cánh đồng, nơi cả đời nông dân má tôi dầm dãi. Tôi còn nhớ như in những mùa hạn, nước dưới kinh rút, chiếc xuống không thể chống trên lòng lạch cạn teo, má nghĩ ra cách tải gạo, cám bằng xe đạp. (Ôi! Cái thuở sao nghèo quá là nghèo). Bao gạo để dài theo sườn xe, má ngồi yên sau chồm hai tay cầm lái, xoay chân ra phía trước để đạp. Má con tôi suốt ngày dưới nắng công công đạp xe trên con đường lờm chớm đá. Sau này, tôi còn có thể một tay vịn bao gạo đặt ở yên sau, chân đạp cuống cuống, tay kia cố kềm giữ tay lái đang lắc lia lắc lịa, cái bánh xe trước lúc nào cũng muốn chổng lên trời. Ai khen tôi giỏi lòng má tôi cũng đau, vì đã để tôi dang dở con đường học tập. Lúc đó tôi chưa biết nói, "Chùng nào nhà mình khá giả rồi con đi học lại, má lo gì", chỉ một câu thôi sẽ an ủi lòng má biết bao nhiêu.

Những câu đáng nói thì vì vô tâm, khờ dại nên không nói, những câu không đáng nói thì cũng vì vô tâm, dại khờ nên đã nói rồi, không lấy lại được. Vẫn còn những ngày dài phía trước, mai tôi sẽ về thưa với má, dù tôi nói câu nấy dù hơi

trẻ tràng nhưng có còn hơn không, rằng chưa có bao giờ má dạy tôi viết văn, nhưng những gì tôi viết ra đều mang hơi thở cuộc sống mà má trao tặng.

Bây giờ không biết là đã mấy mùa tôm rồi má với ba tôi xa nhà cất cái chòi giữa đồng vắng xoay xở, vật lộn với con tôm trên những cái đầm chang chang nắng. Cũng từng ấy thời gian, ngày hai buổi sáng, chiều tôi quanh quán bên bàn giấy, sớm uống cà phê tối ngồi quán nhậu. Những con chữ bỏ đi xa, những câu văn trốn bật. Mai mốt đây viết tặng má còn không xứng thì viết cho ai nữa bây giờ.

Ngủ ở Mũi

Giong ruối lang thang mãi mình hóa ra người “sành điệu” lúc nào không biết. Tháng hai quẩy túi về đồng, canh trúng mùa đĩa, bắt cá lóc ký đốt rơm nướng trui ăn kèm muối ớt, uống rượu xóm Dừa (rượu Tân Lộc cũng được), dài tới tháng tư, sa mưa, ra đồng bắt ốc lác luộc với lá sả, lá ổi chấm com mè chơi. Gió chướng về Đầm Bà Tường ăn com nguội với ghẹm muối. Tháng mười trái mấm rụng đầy những sông những rạch ven các cửa biển, mùa săn cá dứa bắt đầu. Ăn “sành điệu” đã đành, lúc ngủ cũng đòi đi về phía biển, để ngủ ngay trên ấp Mũi, một xóm nhỏ ở cuối trời Tổ Quốc.

Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đàng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nấy. Mưa Nam hay mưa Chướng, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự

gắn gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà rất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch này làm sao đâu, vì khi nước ròng rạch cũng cạn lòng, phơi đây. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất này làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoáng khoáng, cời mở, rộng rãi, hào sảng.

Người ấp Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng, khói chiếu, áp cái lưng trần đó au xuống với sàn nhà bằng gỗ được bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài này thì thích không chịu được.

Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng bùng tỏa ra từ mé un, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.

Ngủ ở ấp Mũi có "quá trình" hẳn hoi (như quá trình công tác vậy). Bao giờ lúc chạng vạng ta cũng ngồi với nhau uống vài ly cho ấm bụng, không khô mực thì hầu nướng, sò nướng chấm muối tiêu chanh. Khuya một chút, khi ngà ngà say rồi, người dưới bếp sẽ bung lên một nồi cháo sò huyết. Trời ơi, cái mùi thơm của sò, của tiêu, của mỡ tỏi mới hít vào hơi

rượu đã tan đâu hết, còn nói gì tới cánh xi xụp húp chén cháo nóng, nó không chê vào đâu được. Xong rồi, ta quay lại uống trà.

Trà xứ biển đậm đà, nước vàng quánh, kẹo. Nên lần đầu ngủ ở ấp Mũi hần sẽ có người thao thức. Vì trà, vì ngủ trong phòng kín cửa với gió máy điều hòa se se quen rồi, nằm đây ngộp thiệt chớ chơi à. Còn nỗi sợ nữa, sợ bóng đêm, sợ mấy anh chàng nằm cạnh giả đồ ngủ say dịch qua để... gác chân ảnh lên chân mình. Thôi, nằm canh chừng cho chắc ăn, má dạn, thân gái dạm trường. (Lạ, ở đây người ta sống chân thật với nhau đến mức để trống cả vách nhà, cửa cái đồ đạc cũng có mát mát gì đâu, vậy thì mắc mớ gì phải dè chừng). Gió vẫn như múa, như ca, như chạy như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá âm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá dầm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mệnh mông một nỗi nhớ bờ như thế.

Nhưng ngôi nhà sàn không cửa lại có cái lý của nó. Để cho tiếng biển thật gần mình, cho người vợ trẻ nghĩ tới chồng đang búa lưới ngoài khơi, cho những ông già nguôi niềm thương nhớ biển kể từ khi xa những cái đày hàng khơi, cho những cậu bé đang tuổi nhớ giờ mơ một giấc mệnh mông, trông trành trên chiếc ghe câu giữa bốn bề biển cả.

Có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một cái chòi giữ vuông giữa cánh đồng gió toì bời, có cái gì đó như không giống. Phải chăng, ngủ ở đây, gió có vù vụt, cồn cào ta cũng không thấy lạnh, bởi đây là nhà, một mái nhà mang đầy đủ ý

nghĩa của nó, có khói mê un, có những hơi thở nhẹ, có con gà đứng trên ngọn cây mấm gáy le te.

Cũng vì vậy mà có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một căn chòi ngoài đáy hàng khơi, lại vừa không giống. Vẫn gió mang cái hơi nước mặn mòi, vẫn tiếng biển ì ảm nhưng thiếu cái yên ả, êm đềm thâm nâu của đất.

Tự dưng thấy coi thường cái câu “Ở nhà Tây, ăn cơm Tàu, lấy vợ Nhật” (không biết có bị A.Q của Lỗ Tấn nhập không?), làm nghề viết lách như ta coi bèo bèo vậy chứ “sành điệu” thấu trời.

Trăm năm bến cũ con đò

Cửa sau nhà tôi trông ra sông. Tôi thường ví đó là một khung tranh, và bức tranh biến đổi không ngừng, có lúc nó hiện lên những chiếc tàu cao nghệu, hùng hục đi qua, che khuất cả dãy nhà sàn bên kia sông, có lúc hình ảnh lại xa vắng với vài chiếc vỏ lãi dài nhằng, bé teo mong manh chờ đầy nhóc dừ, chuối... Nhiều khi bức-tranh như bị trĩu xuống khi buộc phải về mấy chiếc xà lan ngược nước ề ạch khảm lừ, găm gù... Nhưng cảnh có chuyển động thế nào, trong bức tranh cửa sau của tôi, vẫn luôn có hình ảnh một chiếc đò thắm lặng chờ vờn trên sóng nước.

Bến đò nằm cạnh nhà. Có thể nghe được tiếng bước chân người xoèn xoẹt lại qua, nghe mũi đò chạm lịch kịch vào bến, và tiếng chèo chém ngọt vào mặt nước những lát cắt dày. Và nhiều khuya nghe tiếng gọi đò xao xác, tôi đã nghĩ, phải mình là đạo diễn, thế nào cũng làm phim về cái bến, con đò.

Trong hình dung, đó là bộ phim giàu hình ảnh hết biết.

Trèo lên một chỗ thật cao, tôi sẽ bắt đầu “bộ phim tương tượng” của mình bằng cảnh các con sông giao nhau cắt thành phố bằng năm ba mảnh, gặp chút đó rồi lại thao thiết chảy đi. Nằm rải rác dọc theo những khúc sông, khúc kinh có hàng trăm bến đò ngang dọc. Mỗi bến có một cái tên khác nhau như Đâu Đò, Cầu Chùa, Rạch Rập, Công Chánh... nhưng giống hệt ở lối đi xuống hẹp và hơi tối. Bậc lên xuống bằng bê tông bị sóng mài mòn phủ lớp đá nhỏ bên trong, nhờ vậy mà đỡ trượt chân. Những người phụ nữ đi chợ sáng về, rôm rả chuyện trò trong lúc chờ qua sông, tôm cá quẫy trong gió lách tách.

Và con đò, nó tới kia. Một đám trẻ con vai quàng khăn đỏ đứng ngồi lóc nhóc đang qua bờ bên nầy. Những chiếc đò đóng theo kiểu tam bản vững chãi, ít chao lắc. Hai bên be, đằng mũi đều được bọc vỏ xe để khỏi sòn khi va vào bến. Có chiếc còn đỏ au lớp dầu trong, có chiếc đã nhiều năm dầm mưa nắng sạm đi, khô róc, nứt nẻ. Chiếc đò cũng già đi như người chèo nó. Cũng buồn, cũng mệt mỏi, cũng làm công việc nặng nhọc, chở người đi, về.

Nhưng dòng chảy của sông đã làm cho công việc người chèo đò bớt đơn điệu. Sông quê tôi không rộng nhưng sâu, đôi khi nước đứng lờ đờ, lúc ròng lại nôn nao chảy xiết. Khéo lèo lái, chỉ cần khẩy nhẹ vài lát chèo là đã qua bờ, nên ngoài sức mạnh của đôi tay còn phải nương theo nước, theo gió. Cái “nghệ thuật” chèo đò cũng lắm công phu, đừng có ai đại dột cậy mình biết chút đỉnh chèo chống hỏi còn ở quê rồi xung phong chèo đò thử, coi chừng quê độ à ghen.

Đôi lần, thử gồng mình thót lên đôi chèo dưới cái nắng

Cà Mau rát, gió Cà Mau khô, tôi lại thương người chèo thêm một chút. Và hình ảnh họ trong “phim” tôi luôn mạnh mẽ, tươi tắn, dù khuôn mặt có đen sạm, dù đôi tay vồng lên những đường gân guốc, dù họ chỉ khoác một manh áo bạc, và lai quần xoắn tít vì không được ủi, lâu ngày.

Trong cái phim tương tượng đó, tôi ao ước được vào vai người ngồi trên bển thu tiền, một bà cụ còng queo, như hầu hết người làm công việc này đều già (nhận xét này cần được kiểm chứng lại, cả câu hỏi trước tôi hay nói là tất cả cây cỏ dại mọc trên đất quê nhà đều trở hoa màu tím biếc, tôi cũng không chắc đâu à nghen). Chỗ tôi ngồi có một chiếc vồng con giăng ngang cản chòi đe ra mép nước. Cái thùng đựng tiền đã lên nước bóng ngời đặt trước mặt, thùng ngăn làm nhiều ngăn nhỏ, mỗi ngăn đựng một loại giấy bạc hai trăm, hoặc năm trăm...

Không khó để tôi vào vai nhỏ đó, bởi buổi chiều nào giữa đời, tôi cũng nhìn thấy bà cụ ngồi thu tiền đò bên kia sông. Quen thuộc, đến nỗi nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy rõ cái cười móm mém và ánh mắt hóm hỉnh, tinh quái của bà. Hai mươi năm đưa đò, cái ngày không còn quạt nổi mái chèo, bà lên bển (chứ làm sao xa được khúc sông này). Ngày ngày, bà ngồi nhìn cuộc đời cuộn cuộn đi qua, chứng kiến biết bao nhiêu thay đổi cuộc đời, người già già đi, bọn nhỏ lấy nhau sinh ra nhiều thiệt nhiều đứa trẻ. Và những đứa trẻ lớn lên... Có người qua đò rồi quay về, có người không trở lại. Bển đò, cũng là nơi nhiều đứa con gái qua sông lên thành phố rao bán mình trong những “chợ vợ”, để lại mấy thằng con trai chiều chiều

ra bến đón đã đời mới ngo ngác, trời ơi, mình đang chờ ai đây. Bến đò, cũng là nơi anh cán bộ phường ngày xưa thường qua, rồi anh lên thị xã, ai đó mừng, “thằng chả mà làm lớn thế nào cũng bắc cây cầu qua xóm mình. Thi kinh nghiệm, ông lớn nào đường vô nhà cũng ngon hết”. Ai dè, lúc anh “lên” tới tỉnh, anh qua đò rồi đi luôn một nước. Xóm bên sông nghèo vẫn hoàn nghèo, ọp ẹp và buồn hiu.

Mới lấy ví dụ có vài khuôn mặt người mà đã thấy cái bến đò sinh động biết bao. Và vai bà cụ tóc trắng ngời miên viễn trên bến đáng cho tôi hóa thân vào biết bao (dù có một chút thiệt thòi là sẽ rất... xấu xí). Tôi mà được ngồi ngay cái vông đó, không cần diễn, sẽ ngấm ngay nỗi vui của một người lương thiện, vui vì không làm gánh nặng cho cháu con, vui vì được làm nhân chứng cho đời... Khi đôi bàn tay gầy guộc của tôi vượt lại những tờ bạc lẻ nhàu nát lem luốc mồ hôi, dầu nhớt.. để nộp thuế cho đảng phường, nghĩ tới mấy vụ tham nhũng động trời ngay tại quê mình, nghĩ tới những bữa tiệc vung vinh tiền triệu, chắc cái mặt tôi buồn hết biết, mà tôi còn khóc, hóng chừng...

Cửa sau nhà tôi vẫn ngó ra sông, tôi vẫn ngày ngày ghi vào lòng mình bộ phim tương xong mà hoá ra dang dở mãi. Người qua đò mỗi ngày mỗi khác, có người tốt lên, có người xấu đi. Làm sao ghi hết những hình ảnh đó?

“Phim” chưa xong, vì bến đò vẫn còn, vì cầu xây lâu mà vẫn chưa xong. Để đêm đêm tiếng gọi đò lại cất lên, những âm thanh ồn ào của đô thị lập tức ngưng phắc, chết ngắc, dường như một nửa thành phố - mấy rẻo đất buồn bên kia những dòng sông vừa lên tiếng...

Bà già vui vẻ

Bạn thích đi mua sắm, thấy xao xuyến khi bước vào siêu thị, hằng hái chọn mua đồ cho chồng con (tất nhiên diện cho mình là ý nghĩ hàng đầu), là chuyên gia "thăm dò" hàng mới và trên đường về bạn luôn ghé đâu đó ăn uống, đặc biệt là ở lề đường? Người cùng cơ quan nói tánh bạn đôi lúc hơi nhân nhó khó khăn?... Xong, ba mươi năm sau, bạn sẽ biến thành một bà già vui vẻ, vui vẻ như tuổi mười lăm, mười bảy. Bài trắc nghiệm đã nói vậy, rõ ràng.

Bạn không tin. Con nhỏ cũng đâu có tin, nhưng lạ lắm, nó bản thân, nó ngây ngất suốt những ngày sau nữa với cái kết quả trong bài trắc nghiệm kỳ lạ đó. Ở tuổi sáu mươi, nó - một bà lão quậy tung, suốt ngày cười ha ha với đám con cháu, thích ngao du, dù già sự năng nổ và ham thích mới lạ vẫn không thay đổi, thậm chí còn tăng (vì vào độ ấy, người ta nghi hưu rồi, ránh muốn chết), những hình ảnh đó làm con nhỏ phấn khích. Tự nhủ đừng có tin mấy trò nhảm nhí nầy, nó còn tẻ

hơn vụ, bà thấy bói nói sắp tới nữa sẽ gặp ý trung nhân, là mối tình đầu, là duyên kiếp trước (trong khi ta đã gặp vài ba mối tình đầu, thêm một mối tình đầu nữa, đã sinh cho anh ta một thằng nhóc rồi). Rồi con nhỏ lại tìm cơ cớ lại, đầu có, tui thấy chi tiết hồi trẻ khó, về già sẽ dễ dãi (và ngược lại, theo kinh nghiệm từ ba và sắp, hai ông già đang khó tánh chịu hổng nổi) tin được quá đi chớ.

Con nhỏ, giống như một người đi trên con đường dài thăm thẳm, đã mệt ngất ngư, đã chớm chán chường, đã toan rẽ ngang, bỗng dưng phát hiện ra đằng phía mặt mù đó (có thể) có nắng và hoa. Và cỏ xanh rờn... Không chắc, nhưng dường như có một cái gì đó tươi đẹp, đang chờ mình. Vậy thì ngu sao hổng tin cho đời bớt nhọc nhằn đi.

Ngày đó, chắc là da con nhỏ đã nhăn nheo, nhất là hai bên khoe miệng, đuôi mắt (do cười quá nhiều!?), nhưng nó luôn giữ cho mình chín chu, tươm tất. Và ngọt ngào. Đám cháu luôn bảo, ngoại (hay nội) tánh tình như hồi còn con gái. Với chúng nó, con-nhỏ-tuổi-năm-mươi giống như người bạn thiết. Bà bạn già cười mở, không cử như cần nhằn khi tụi nó đi sớm về khuya (vì bà cũng từng đi sớm về khuya), tụi nhỏ dán poster đầy nhà, bà khen Bea Yoong Joon đẹp trai dễ sợ, rồi té nhị bảo, phải Britney chịu khó mặc cái áo đủ vải thì dễ thương hơn nhiều. Bà gật gù lác lư xem MTV cùng bọn trẻ để sau đó rủ chúng nghe... cải lương với mình. Nói về máy vi tính, về Internet, về các sản phẩm kỹ thuật số, các trào lưu mới, bà già rành sáu câu. Cả nhà toàn mặc quần áo do bà sắm sửa, vừa thời trang, vừa rẻ tiền. Xem phim, những chỗ hài hước

bà cười nghiêng ngả, chỗ tình tiết cảm động, bà già khóc như mưa (Có thể sao? vì ngay bây giờ con-nhỏ-tuổi-ba-mươi không dễ khóc cười khi mà cảm xúc đã sắp chai sạn vì ném trái, hoài nghi).

Ngày đó, con nhỏ sẽ nối lại tình bạn bè xưa (vốn đã đứt lìa từ khi bạn bị văn chương, rồi bù với công việc gia đình). Vài trời tụi bạn cũng được trở thành những ông bà già vui vẻ. Con nhỏ sẽ rủ bạn cùng đi du lịch, thăm thú đầu núi cuối sông, mỗi cặp chờ nhau bằng honda xuyên Việt (dường như cái máu khoái mạo hiểm hồi trẻ vẫn dào dạt trong nó), tưởng tới cảnh một sớm mai nào, dựng xe trên một đỉnh đèo lộng gió nhìn xuống biển xanh ngằn ngặt, mà thèm. Ngót nửa đời, con nhỏ lủi thủi một mình với thế giới văn chương, ở tuổi năm mươi, nó muốn chia sẻ cuộc sống (vui vẻ) với bạn bè. Chiều chiều, con nhỏ và bạn hẹn nhau ăn bún nước lèo, bánh xèo hay sáng sớm cùng tập dưỡng sinh và đá cầu ở công viên. Nó sẽ mời bạn về nhà mình (bù lại nửa quãng đời trước nó không cho ai tới). Chuyện nhà nhỏ nhà to, chuyện sang hèn với nó không còn quan trọng nữa, bạn tới, đãi khoai lang luộc chấm mỡ hành, sau đó hát karaoke, cũng vui thấu trời xanh.

Những gì mà con nhỏ hình dung ra, ngót một nửa là những chuyện mà suốt thời thanh xuân nó không làm được, không muốn hoặc không thể làm. Ví dụ như nó sẽ đến trường, học cái gì đó vừa hay vừa vui. Hoặc tìm ai đó... Bao lần đi qua một vùng đất, bao lần nghe một cái tên hay người lại mùi quen thuộc, là bao lần nó day diết nhớ một người (với nụ cười từng làm con tim chết điếng). Rồi xe chạy huốt, rồi bạn làm gì đó

hoặc nghĩ tới chuyện ngân sắp tới, rồi nguôi, hồi trẻ là vậy. Nhưng con-nhỏ-tuổi-năm-mươi thì không chịu, khi nào nhớ, nó sẽ lặn lội đi tìm. Dù chỉ để nhìn nhau và móm mém cười. Dù bề bàng nhận ra dáng xưa, mùi xưa, tóc xưa, tình xưa phai màu... Về với cái tổ rối nùi của mình, ngồi uống trà với ông lão nhà mình trong buổi sớm mai, khi tụi trẻ đã lũ lượt ra đường, nhà vắng đến nỗi nghe con ong bầu vo ve phía hàng rào (ùa tới lúc đó nhà mình có ọp ẹp như bây giờ không mà thấy cái hàng rào thơm tất quá vậy cả, con nhỏ chọt nghĩ). Trong khói sóng sánh, con nhỏ bỗng thương cái người đang ngồi trước mặt mình, trước giờ thỉnh thoảng nghĩ ông này già hơn ông kia, đâu phải nè... Thật không công bằng khi so sánh ông - người cùng với mình già đi từng ngày với kẻ trẻ hoài trong ký ức tuổi hai mươi.

Những hình ảnh tung tủy, nhiều màu sắc đã kéo cái ngày con nhỏ năm mươi tuổi thật gần. Gần như thể ngày mai không phải làm việc cật lực, dậy sớm đi chợ làm cá nấu cơm, thức khuya để vật lộn từng con chữ; không cần nghĩ tới việc tìm một chỗ ngủ cho thằng con, rồi chạy trường cho nó; không cần lo vách nhà đã mục, sàn sau đã bị sóng đánh dạt mấy cây cột cặm, biết có chịu nổi mùa nước rong năm nay? Và bệnh tật, và bất trắc...

Không phải, nỗi lo còn nguyên, cực nhọc còn nguyên, nhưng chúng không còn nặng nề, ngọt ngọt trong lòng con nhỏ, dưới cái vắng sáng xanh dịu dàng hiện ra phía chân trời...

Có khi bài trắc nghiệm đó chỉ giỡn chơi thôi, có khi tuổi năm mươi của con nhỏ cũng y chang như bây giờ, tất bật

và tắt bật (chẳng còn tóc để mà rụng, nên bới cái đầu tóc mượn chơi). Có thể tới được cái viễn chân trời ấy, không có khi khô gì, không có hoa, chim chóc và ong bướm... Nhưng đứng ở đó, ngoái lại con đường thật dài mà ta vừa đi qua, không thấy kỳ diệu sao? không ngạc nhiên lắm sao? không bật cười sao?

Nhớ nguồn

Không thể một ngày một bữa mà liệt kê hết những khác biệt giữa thế hệ của má và tôi. Cũng như khi hai má con ì ạch trèo lên chiếc xe để chuẩn bị cho chuyến đi xa, tôi chợt nhận ra ngay trong những chuyến đi như thế này, lúc chiếc xe cũ mềm xùng xèng từ từ lăn những vòng bánh đầu tiên, cảm nhận trong lòng mình với má cũng khác. Tôi thấy mình bùi ngùi như chiếc lá bị bút lia càn (mỗi lần bước chân ra khỏi nhà tôi luôn có cảm giác kỳ cục đó). Má tôi lại khác, mỗi chuyến đi như thế này, má nòn nao như được về nhà-của-mình, về một cánh cội nào đó mà dòng họ má đã bị bút lia ra từ lâu lắm. Bởi chuyến đi này, má về Hà Tiên.

Không có gì đặc biệt đâu, cái thị xã nằm cheo leo bên biên giới. Biển Hà Tiên không xanh lắm, núi Hà Tiên không cao. Không có gì đặc biệt để kỳ vọng, để chờ đợi, nhưng đó là nơi ông tổ họ của má tôi nằm xuống, gờ năm xương lưu lạc trên những ngọn núi xanh rì.

Má tôi họ Mạc. Người ta nói rằng chi tộc họ Mạc ở Cà Mau

là chi tộc đông nhất của họ Mạc Hà Tiên. Những năm tháng chiến tranh loạn lạc như cơn lốc bốc một số người Hà Tiên ném đến tận cùng Đất Mũi. Vậy nên, năm nào cũng vậy, cùng với bà con trong họ, má tôi hành hương về Hà Tiên cúng giỗ Ông - Khai trấn quốc công Mạc Cửu. Buổi chiều má còn xắn quần lội ruộng dặm lúa, quăng phân, chạng vạng má biểu tôi tở con mắt cạo phèn móng chân giùm má để tí nữa má lên xe làm một chuyến xa nhà.

Đoàn người đến Hà Tiên là một đoàn lữ hành nghèo, giản dị nhưng vui một cách kỳ lạ. Trên chiếc xe đò cũ kỹ cộc cạch, đông đảo nhất là con nít, không có đủ tiền mua vé, người lớn trải chiếu ngồi bệt dưới sàn xe nhường ghế cho trẻ con ngồi. Chen trong tiếng kêu lảm rảm của những cái cửa kính xe long lên khi qua đoạn đường xấu, là tiếng vụ mùa rôm rả qua những lời thăm hỏi, là tiếng trẻ con ríu rít háo hức mơ về nơi sắp đến, Hà Tiên.

Dòng họ ngoại tôi giáo dục truyền thống vào hàng siêu việt, dạy từ hồi bé con con, từ hồi lít chút như thế nấy. Những đứa trẻ sinh ra trong dòng họ Mạc, vừa tí tuổi đầu trong lòng đã có Hà Tiên. Hà Tiên xa mà tưởng như gần xịu gần xịt, bởi trong lời cha ông mình dạy, Hà Tiên là nhà. Trong lúc người ta cuống cuống đi tìm cách giữ gìn bản sắc văn hóa thì cái bản sắc văn hóa uống nước nhớ nguồn lại được bà con giữ một cách hồn nhiên.

Vô tình vì những giếng mới sâu tận đáy lòng, thâm tình ràng ruột mà hai miền đất Cà Mau - Hà Tiên gần nhau như trong gang tấc, như mặt đối mặt, như tay nắm được tay.

Bà con bên má tôi đều là nông dân, vì là nông dân nên phần lớn đều nghèo. Để trong lòng khỏi thấy bứt rứt, có tội với tổ tiên vì lỡ chuyển, bà con chuẩn bị từ lâu lắm. Từ đầu mùa lúa năm trước, má tôi đã ngăn phía dưới đất bỏ để dành mười gia để tháng năm này làm lộ phí đường xa. Hết như má tôi, dì Ba, dì Bảy mót mấy từng lợn rau bán, bó vô heo đất để dành từ sau Tết, cậu Năm, cậu Tám chạy đồ dọc cũng dành dụm khoản riêng nào đó cho chuyển về nguồn.

Ý thức đây là dịp đặc biệt, người họ Mạc ở Cà Mau chuẩn bị về dự giỗ Ông rất trân trọng, chu đáo. Với một tấm lòng thành kính, thiêng liêng, má tôi vẫn tin rằng, có về quê xuống cúng bái mộ tổ tiên, sẽ bớt đi bệnh tật, đảm con cháu khỏe mạnh, lúa trúng đầy bồ, làm ăn khá giả. “Những người ăn ở mất gốc sống tới hết đời cũng góc đầu dậy không nổi đầu con à”, má vẫn thường dạy tôi. Má hay kể, từ loạn lạc người họ Mạc có chạy đi đâu, về đất nào cũng nhớ về đất Hà Tiên. Đường về, với mỗi thời, mỗi người mỗi khác. Ngày xưa ông cố má một mình chèo chiếc ghe bầu, ngày chèo, đêm chui vào nóp ngủ. Chiến tranh, ông ngoại tôi trên đường đi công tác cũng tạt qua, sụp xuống, cúi lạy người đã khuất. Trước đây, đoàn đi bằng tàu đò từ Cà Mau qua Rạch Sỏi rồi mới lên xe đò đến Hà Tiên. Rồi có lần đi bằng ghe biển. Nhàu như vì say xe, say sóng mà vẫn vui, vui một cách tự nguyện. “Ngày xưa có cực khổ mấy ông bà mình cũng ráng về thấp nhang cho ông bà ở trên, bây giờ hòa bình, xe cộ đầy đường, sướng nhiều rồi hông ráng đi sao được, con?”.

Tôi yêu Hà Tiên từ má, từ những cậu, những dì trong họ.

từ những chuyến đi như thế này. Những con người chân chất, bình dị. Ra biển không cần áo tắm, cứ để nguyên bộ bà ba nhày ùm xuống. Những món đồi mỗi, ốc biển chạm trở công phu bày đầy ở các quầy hàng lưu niệm chỉ là phù phiếm (một món bằng hai ba giá lúa chó có ít đâu). Những người mê cải lương nhưng tẩy chay vở *Áo cưới trước cổng chùa* (còn làm đơn gởi đài truyền hình để phản đối) nói vở đã bêu xấu tổ tông mình, vì đã cho rằng Mạc Thiên Tích đoạt vợ người. Tôi thích những ông cậu, bà thím đã già vẫn mong về Hà Tiên rồi mai chết, cho yên lòng. Tôi thích đám con nít, luôn làm về mặt nghiêm trọng khi cầm nén nhang trong tay, trước những ngôi mộ trăm mặc bên sườn núi.

Tôi thích những đêm ngủ lại ở Hà Tiên. Có lần ngủ chùa Tam Bảo, gần trăm người chui vô chỉ cái mùng vài dài dằng dặc. Sáng ra cả đoàn thức dậy, mặt phờ phờ vì thiếu ngủ, phần tại đông, phần một năm trời mới gặp lại bà con, phải thăm hỏi chuyện làm ăn ra làm sao, hỏi giáp một vòng cũng vừa trời sáng. Sau này, không ở chùa, nhà trọ trong thị xã lùm lùm mọc lên, cả đoàn cũng vào nhà trọ, cũng trái chiếu bệt xuống sàn ngủ chung nhau. Không phân biệt ai giàu ai nghèo, ai đói ai no, ai từng xấu và ai tốt, ai ở xa ai ở gần, chỉ biết hết thầy đều là họ hàng bà con, là hậu duệ của người khai phá trấn Hà Tiên, là con cháu của xứ sở nhiều huyền thoại. Bị bút lia trăm mối mưu sinh, đó là khoảng thời gian níu người ta xích lại.

(Tôi nghĩ đến những chuyến về nguồn kỷ niệm các ngày lễ lớn. Xe chạy ngời ngời, nào cờ nào trống, cặm lều cắm trại...

có xông xáo, có rôm rả, nhưng cách mà người ta tìm về nguồn nước, thậm kè trồng cây làm như thiếu mất sự thành kính, trân trọng, biết ơn. Thiếu cái ngậm ngùi cho những người ngã xuống, thiếu cái lắng trong tâm hồn mỗi người để có thể nghe gió tựa như tiếng thở dài của người xưa).

Tôi yêu Hà Tiên trước hết cũng vì cái điều mà ông bà ba má tôi cố công gìn giữ. Họ sợ rằng, sau này họ khuất rồi, đăm con cháu sẽ quên nguồn quên cội, quên tổ quên tông. Cái truyền thống tốt đẹp này mà không ráng gìn giữ thì tội lắm.

Có những vùng đất không phải nơi người ta sinh ra và lớn lên nhưng yêu đằm thắm bởi vì một lý do riêng tư nào đó. Có thể vì nơi ấy có người thương, có người thân đã hy sinh, có người con lưu lạc... Má tôi yêu Hà Tiên đơn giản chỉ vì đó là nơi gói gói xương của ông cha mở đất, nên thành kính nâng niu từng hạt bụi, từng ngọn cỏ Hà Tiên. Tình yêu gắn bó từ tâm linh, máu thịt mà tôi nghĩ, tôi sống cho tới khi bằng tuổi má, chắc gì tôi làm được như vậy.

Nghe má tôi nói rằng tổ tiên họ Mạc rất linh thiêng (má tôi hay bảo cái khoán văn chương của tôi cũng nhờ ông Mạc Thiên Tứ phò hộ (?), không phải ông đã rất giỏi thi phú, từng lập ra tao đàn Chiêu Anh Các lừng lẫy một cõi đó sao?). Vậy thì, nếu thật sự tổ tiên họ Mạc có linh thiêng, xin hãy phù hộ cho tôi yêu mãi Hà Tiên bằng máu thịt, bằng tâm linh như má tôi, như ông ngoại tôi, hãy giúp cho tôi đừng bao giờ đánh mất tình yêu đó cho dù vùng đất này có thay đổi như thế nào.

Mơ thấy mùa đang tới

Nếu cuộc sống của bạn đã mệt mỏi, nếu rã rượi với công danh, chức tước rồi, nếu ho khan với khói bụi thành phố rồi... thì về quê tôi, làm một tua du lịch dài ngày, dài cả năm, sống vật lộn làm một thuở nông dân chơi. Tua của tôi không kén khách, bạn có thể từng là nông dân nhưng bây giờ quên mất, bạn có thể chưa một lần đặt chân xuống sinh đất quê hương, chưa biết sống đời nông dân... Tôi chấp nhận hết.

Tôi sẽ dẫn bạn về gặp má tôi. Má tôi sẽ dẫn bạn đi hết một mùa của má.

Má tôi ấy à, bà là một người nông dân chân chính.

Ai quen với cái “e” hề nói tới nông dân là phải khăn rằn vắt vai, chân đất đầu sương, ngón tay ám khói thuốc gò... gặp má tôi chắc chung hứng. Bà mập mập, hồn hậu, ăn mặc giản dị nhưng đẹp, không thô ráp như nhiều phụ nữ quê khác. Bà không ăn trầu, uống rượu (đừng thất vọng, má tôi không uống thì bạn uống với tôi). Bà đi nhiều, hiểu nhiều chứ không suốt

đời chôn chân mình vào một chốn quê. Bà chân dắt đám ruộng chưa tròn mười công đất chứ không như nhiều nông dân khác, ruộng đất rông rông mấy chục công, cúm nùm chiều về bay lạc ổ. Nhưng má tôi vẫn là người nông dân thật, bởi đã sống cực nhọc, lam lũ như đời nông dân lam lũ, cực nhọc.

Gặt đầu rồi thì hãy đi với tôi. Tốt nhất bạn hãy làm cùng má tôi, hụ hợ thôi nhưng đừng đứng nhìn bởi vụ lúa mới nẩy, má tôi làm công việc như mùa trước, trước nữa, khác nhau chỉ vài thông số kỹ thuật, tuyệt má tôi không biểu diễn. Không biểu diễn thì làm sao đứng coi được. Nào, đi từ bây giờ, ngay bây giờ. Bởi vì má tôi không chờ bạn. Bởi vì bây giờ là tháng tư. Mùa Tết còn nắm niu mấy giống dưa hấu muộn chưa nhổ gốc thì mưa đầu mùa đã gióng giã vuột bụi trên cây lá, việc của má tôi, tua của bạn bắt đầu.

Mài cây dao chét cho bén, mình đi làm cò bờ. Chỗ bờ đứt thì ôm những lát đất đã cày xếp lớp từ mấy tháng trước chất lại đó. Tin má tôi đi, đất khô gặp mưa sẽ vỡ ra thành bờ chắc nụi. Rồi máy đến bờ tôi đám ruộng, bạn coi má tôi ngâm, ủ giống. Kinh thủy lợi thì xa mà ruộng nhà lại nằm lọt thỏm trong ruộng, thành ra chuyện gì má cũng phải làm trước bà con chung quanh đó. Làm trước nước có đường ra. Đặt máy bơm tát lòi đất gò, ốc bươu vàng dồn xuống, có việc cho bạn nè: bắt ốc. Chân thật sinh, khom lưng, căng mắt mà bắt. Tụi nó bò lừ đừ, đi đằng trước nó bò đằng sau. Đừng bực dọc, đừng nản lòng. Tôi nhớ, năm đầu tiên đồng đất Bà Điều quê tôi chứng kiến cuộc tiến công tàn bạo của ốc bươu vàng. Tôi đi học xa, chiều thứ bảy về nhà bắt ốc.

Cả nhà bắt ốc. Cả xóm bắt ốc. Cả tỉnh bắt ốc. Lúc sức trẻ tôi rệu rã thì má tôi vẫn chăm chăm từng con ốc theo mỗi bước chân thụt lút dưới sinh. Má tức: “Đất xứ mình bao đời nay đâu có đẻ ra tụi nó, chắc tại nước ngoài người ta lên thấy qua...”. Má định ninh: “Má nghi bên Thái Lan thấy mình làm ruộng giỏi quá, sợ mình xuất khẩu gạo hơn họ nên họ thả ốc phá mình chơi chớ gì...”. Trách con người nào đó vô tâm đi nước ngoài đem mấy con ốc về nhậu ngờ đâu nó nhậu lại... nông dân mình. Do chủ quan, chưa biết sức “địch” nên đợt giống đầu ốc ăn sạch, phải lượm lại ốc để gieo sạ đợt hai. Đó là lúc tôi thấy má tôi tội nghiệp như nàng Tấm bị mẹ dì ghẻ bắt nhật thóc khi làng đang vào hội, khi đời nào nước ngoài kia. Má già sọp như trăm ngày gộp lại, cái dáng lẻ loi, chịu đựng, bộ đồ đi ruộng phèn thấm vào sớ vải chấp chới trong nhòe nhoẹt mưa rơi. Mắt tôi nhức, rưng xuống những giọt nước trong và mặn.

Thấy chưa, chỉ con ốc thôi mà cũng làm cho nông dân đã nhọc lại càng nhọc nhằn thêm. Con ốc vàng tươm, con ốc đẹp đẻ vừa nhác thấy đã thềm một chén nước chấm có tí gừng, ít sả, chút ớt. Con ốc nhỏ xíu đó cũng có thể làm má tôi điều đứng. Nghi cũng lạ, hại nông dân là cả bọn mỹ miều, con bèo Linda mỹ miều, rồi bọn chuột chạy rần rần ngoài bờ kia cũng một phần do mấy cái quán nhậu thịt tiểu hổ mang tên mỹ miều: quán Lan, quán Huệ... Làm nông dân mà, cực từ đảng Đông, Tây đem lại, cực từ Nam, Bắc cực vô, cực từ trên trời rơi xuống.

Nhưng rồi, bạn hãy tin ở má tôi, lúa lại xanh rì trên đồng.

Như bây giờ vậy, mới đây mà lúa đã lún thún vượt ngang bờ mấu. Má tôi đi thăm ruộng sớm chiều, bạn có thể đi theo nhưng bạn sẽ chán. Má tôi thì không. Má có con mắt thần kỳ thấy cây lúa bữa nay cao hơn ngày hôm qua, cây lúa hôm nay tốt hơn bữa trước. Lúa có linh hồn. Không biết má trao cho đám lúa còn non nớt xanh nhót kia bao nhiêu tình thương yêu, bao nhiêu hy vọng. Buổi sáng, má đi ruộng. Buổi chiều má đi ruộng. Má tôi có cái tật làm rảng, quên tối. Bà lại hay chóng mặt, té. Nên mỗi lần về trẻ, ba tôi biểu phải đi kiểm má. Trên đường ra ruộng, tôi lại nghĩ đại. Tôi sợ má té ngụp mặt vào nước. Đành rằng, có một ngày nào đó, má tôi sẽ về với đất, nhưng về kiểu này, tôi không đang tâm. Bao nhiêu ý nghĩ đau thương chợt biến tan, khi khóa chân xuống cầu sau, má khoe bằng giọng téu dễ sợ: “Mấy đứa lên ruộng mà coi, lúa của bà út nào mà tốt lộng lẫy...”. Má tôi chưa từng được phong danh hiệu nông dân sản xuất giỏi nhưng làm ruộng vào loại giỏi nhất đồng đất Bà Điều. Bà có tình thương yêu ruột ràng vào cây lúa, bà tin tưởng mạnh mẽ vào kinh nghiệm năng sương mấy mươi mùa ròng rã của mình. Để coi, tính mùa này nữa, má tôi làm ruộng suốt ba mươi tám năm. Bà có nhiều kỷ niệm trên đồng, ngày ba tôi ghé tạt lại theo ông ngoại để coi mắt má, vào mùa đậm lúa, má về tới nhà mồ hôi đầm tóc. Có chóng, tàn cư về Đất Cháy, hôm hay tin Bác Hồ mất, má đang cấy, “Không hiểu thương làm sao mà nước mắt rớt lộp độp...”. Rồi cái ngày má nghe báo đất nước mình giải phóng, cũng ở trên đồng, lúc đấy là đang làm đất chuẩn bị gieo mạ... Qua bao nhiêu năm, bao nhiêu chuyện, bao nhiêu mùa, thời gian

đó đủ cho một tình cảm thiêng liêng vô hình nào đó níu lấy bà. Lúa vừa ra ba lá, má tôi đã xách cặp vịt luộc thơm vàng để kể bộ đồ lòng cùng nhang đèn gạo muối lên đồng để cúng Thần Nông. Chén cháo đậu xanh vàng mỡ nậy, tôi mời bạn, chén cháo thơm lừng.

Phía đó là tâm linh, bạn không học được, bởi bạn chưa máu thịt với mảnh đất nầy, chưa đủ đức tin. Bạn để ý má tôi chuyện khác, bà cũng khoa học lắm. Má phiền: “Sao mình cũng làm lúa mà thua người ta. Cán Thơ bỏ cấy lúa mùa mấy năm, mình mới chạy theo, mình sạ. Rồi người ta chuyển qua máy sạ hàng, máy gặt đập liên hợp, mình cũng chưa có. Người ta đỡ cực rồi sao mình cứ cực hoài...”. Cực, lười thôi đi theo người ta hoài. Lúa chín đợt nầy, bạn chở lúa về nhà, mới biết má tôi làm sao mà mớ cái máy gặt đập. Khi mà đồng đất đã biến biệt bóng trâu. Bạn chịu khó đẩy xuống trên ruộng cạn, tải từng bó lúa như ba, má tôi dưới nắng hè. Má tôi đã bao nhiêu năm rồi đẩy voi voi trời biển. Lúa về nhà, trời không nắng, chúng tôi phải che lều ni lông phơi lúa. Lều cao thì gió lồng, tốc mái, lều thấp thì ngộp, thớ hông hốc, thớ không ra hơi. Muốn vô trở lúa phải khom lưng. Có đêm nào về nằm ngủ, chân mình mới tưởng chân ai, tay mình tưởng tay ai, chỉ biết có mỗi con mắt mình, xốn xang nhiều nỗi. Năm ngoái, má tôi mừng hết lớn khi nghe chính quyền mở một con kinh cách ruộng nhà chừng một công đất, “Sướng rồi, má hồ hởi, chở lúa cũng sướng, làm vụ ba nước ra cũng sướng”. Năm nay, không nghe động tĩnh gì, mới biết, đất ngoại ô đang sắp ngửa đô thị hóa, đồng sẽ thành nhà ở, thành chợ, còn làm ruộng đâu nữa mà

đào kinh. Kế hoạch đang treo lơ lửng. Nên má tôi, nông dân xứ tôi phải chờ đến ngày đó, nên ước mây gặt đập liên hợp, mây sẩy lúa. Vậy thôi. Ước toàn cho cây lúa.

Không biết từ bao giờ, từ thời nào, đàn bà xứ tôi bắt đầu gắn bó với đồng ruộng, có lẽ tại đất nước nầy chiến tranh ở lại lâu quá. Chiến tranh như dòng sông điên cuồng cuốn những đàn ông của ruộng đồng chảy phăng về trăm ngả, trong đó có ông ngoại và ba tôi. Cha, chồng làm cách mạng, má quen với đồng áng. Cục vì chồng con nên không buồn. Hôm qua bạn thấy má tôi chạy xe máy đi mua phân bón về chớ? Má kể một chuyện buồn mà giọng rất vui (hay tại giọng má tôi vốn hồ hởi thế). Má tôi nói: “Mấy người bán ngoài cửa hàng hỏi tao vậy nhà đàn ông đàn ang đâu hết mà để thím đi chờ phân hàng mấy chục bao. Tao nói cần gì đàn ông con trai, cái gì mình làm được thì làm chớ”.

Tôi nghi quá, chắc là má sẽ y chang như bà ngoại, người thương đồng thương ruộng đến lúc tàn hơi. Tôi nghi má tôi mai đây, mắt mờ, nghe mưa đầu mùa day diết trên mái nhà hối đám con cháu kêu máy trực đất là vừa, chân yếu rồi nhưng lấy bấy muốn đi. Đòi chân ấy từ mười tuổi đã biết khóc. Chân má ngắn, ngón ngắn, chỉ rộng bề ngang nên nhìn nó to bè bè. Trên vuông đất nhỏ nhoi lọt thỏm trong cánh đồng Bà Điều, là thàng, là năm chân má đắm đĩa trong bùn và nước. Lâu lâu, như buổi tối nay, tôi nơ chân má lên cát móng cho má, lại thấy móng dày thêm sớ, phèn che bít cái phần hột gạo đục ở trong, vàng hoe hoe vàng. Dưới gan bàn chân, chai nhiều chỗ, phía gót thì nứt nẻ như đồng khô mùa hạn. Gió trở bắc,

chỗ nứt từa máu, lại nứt sâu hơn. Má cười: “Làm ruộng mà, sao đẹp được con?”.

Xứ này có nhiều người đàn bà giống hệt má tôi.

Họ đưa đôi vai ra chống đỡ nhọc nhằn từ khi còn con gái đến hết đời, nhưng không bao giờ buồn. Bạn có thấy má tôi buồn chưa? Thăm ruộng về, lúa bị cháy lá, sâu phá má có thuốc trị, không buồn. Lúa thất, là thất đều trời, thất do thiên tai, dịch họa chứ không phải không biết làm ruộng mà lúa thất, không buồn. Má làm mệt bực bội, đôi khi rầy mắng đứa con lười biếng, không phải là buồn. Nhưng bạn là người khó ngủ, bạn sẽ biết má tôi buồn vào lúc nửa đêm về sáng. Suốt ngày, ba tôi miệt mài ở cơ quan, biết khá nhiều thông tin, trời chuyển hừng đông hay thú thi kế cho má nghe. Ông Y thâm lạm chục ngoài tí, ông X làm nhà nước thất thoát hai ba chục tỉ... Những câu chuyện đó làm cho má tôi buồn. Quen nét nông dân, bà tính, được số tiền đó bà phải làm ruộng chất mót suốt... đời. Lúa rẻ rẻ, một gia vài chục ngàn, mấy ông “ở trên” làm mất tính ra hàng tỉ tỉ gia chớ ít đâu. Có khi bà buồn vì một chuyện khác, đi Đám Dơi, bên nội tôi về, nghe bác Bảy xố vương một đêm năm bảy triệu, má lắc vông than: “Thấy người ta làm vương ham quá, ngủ một đêm thức dậy bằng mình làm lúa ị ạch một mùa... Nghĩ thấy chán...”. Nhưng rồi sáng hôm sau, khi bạn còn đang ôm mộng đẹp trên giường, má tôi đã thay bộ đồ phèn ra ruộng. Mùa này, má phấn đấu phụ tiền cho anh trai tôi sắm chiếc xe máy đi làm, dư dả chút đỉnh, khi tôi lấy chồng, bà cho tôi ít chỉ vàng làm của hồi môn. Tôi không an ủi được má

thì thôi còn để má phải ngậm ngùi “Nhà mình nghèo, con đừng buồn...”.

Bạn có thể là người đang “ở trên”, đi chuyến nầy vừa thu thả đầu óc vừa thị sát dân tình, bạn có thể vừa “ở trên” xuống, mệt lử với đại cuộc rồi, muốn vui đời điền viên, bạn có thể là người sắp lên “ở trên” nên tranh thủ chút nầy hưởng trọn cảnh quê, và bạn có thể là một người bình thường, bạn nên hiểu và nên biết những nỗi buồn, những nhọc nhằn mà những người nông dân như má tôi phải trải qua. Bạn đừng giận khi má tôi cần nhắc: “Thuở đời nay, năm nào mấy ống cũng lên ti vi kêu năm nầy phấn đấu đạt năng suất cao hơn năm trước, khuyến khích giống mới nầy trụng hơn giống cũ, vậy mà làm ra hột lúa trần thân, bán không có giá, mấy ống đổ thừa tại nông dân làm cho cố mạng nên bán không được...”. Thấy chưa, má tôi nói cũng có lý lắm à.

Thú thật, tôi dắt bạn về đây là có ý đồ. Tôi muốn bạn sống trọn một mùa nông dân trước đã, có cực rồi mới hiểu, mới thương. Tôi đưa bạn về với tôi, con đường không xa, tròm tròm ba cây số, bạn nhớ thị thành thì chạy vù cái là tới, gần xít. Nhưng ở chỗ bạn, hai bữa cơm canh tươm tất trong một ngày của bà nội trợ yêu chồng thấp gì cũng bằng một gạ lúa của má tôi. Một gạ gần ba mươi ngàn. Có được nó, phải chờ ngọt ngét ba tháng. Má tôi còn có đồng lương của ba tôi hộ họ, chứ như dì Ba, chú Tám... vợ đau, con đi học, tang chế, cưới gả giỗ quây cũng nhờ vào bố lúa, mà lúa giá như vậy ngọc đầu sao lên? Nên bạn thấy, cái khoảng cách nầy gần đó

mà xa đó, xa đến thăm sâu. Bạn đâu cần đi đến chỗ khí ho có gáy nào nữa.

Má tôi trần trổ hạt lúa sáng hơi rỏi, cắn vào răng nghe giòn rỏi, chà mè gạo đầu mùa com thơm dẻo là hết vụ đầu, bạn về đi thôi. Vụ sau vẫn thế, cực thế. Mồ hôi má tôi túa đầm đìa, ướt đầm áo chứ tuyết không lặn vào trong. Chân má tôi nứt thêm chứ chẳng lành lại. Cực là bản chất của đời nông dân mà, vui buồn có khi thay đổi do hoàn cảnh, nhưng xoay qua xoay tới lui cũng không qua con ốc, con chuột, do mưa nắng thất thường, do mấy ông “ở trên”... Ai biểu làm nông dân làm chi. Chi hy vọng mấy ông “ở trên” làm cách nào cho dân bớt khổ, má tôi nhấn mạnh, bằng cái giọng hết sức tin tưởng, “Mấy ông hứa rồi...”.

Tôi tiếc mình không làm được gì cho chuyến du lịch của bạn trở nên thơ mộng. Hết thấy đều trần trụi, phải không? Thôi không còn con cá rô róc rách ruộng cày, không được ăn cúm nùm nướng rơm, không mực đồng thối sáo (quả thật trước đây tôi quảng cáo hơi... lão). May ra, còn mặt trăng bằng cái nĩa lưng bụng vệt đám dứa ngoi lên từ phía chân trời, còn một đêm giông gió toai bời, bạn ngủ trong căn lều che trên đồng canh nước, nằm trên xuống nghe lẫn trong tiếng máy bơm có một bầy vạc sành kêu bạn rùm trời...

Thôi không cần tính chuyện tiền bạc với tôi, kết thúc chuyến du lịch, tôi khuyến mãi tặng thêm cho bạn một chiếc chuông gió (vì ở chỗ bạn, chỉ cảm nhận được gió khê như một tiếng rung). Mong nhà bạn có cửa sổ, bạn treo chuông, nghe chuông hát leng keng, là biết gió về, mưa về. Trong gió

có mùa có khô cháy ong ong, mùa đốt đồng. Trong cơn mơ bạn thấy cái lưng ai đó (thường nằm mơ khó thấy mặt người). Cái lưng y như lưng má tôi, ba tôi chỉ khác là còn khảm một chút, bạn thấy cái dáng đó đang ngồi mài cây dao chết. Mùa đang tới...

Lời bạt

Về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư

TRẦN HỮU DŨNG⁽¹⁾

Trước rạng đông một ngày đầu tháng tám, tôi lên một chiếc xe chín chỗ, đi từ Sài Gòn về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư. Nhưng tôi sẽ không kể lại từng phút giây của hai ngày đáng nhớ ấy (hôm đó và hôm sau) mà tôi gặp Tư và gia đình của cô ở Cà Mau, bởi vì cuộc hành trình này (như bây giờ tôi nhận ra) không chỉ là non mười một tiếng đồng hồ ngồi xe về đất Mũi, nhưng là một chuyến trở về “quê thật” của tôi. Quê ấy chẳng phải là một nơi nào đó trên bản đồ địa lý, nhưng là một vùng tâm tưởng của một người đã ra đi hơn bốn chục năm trời. Và gặp Tư không phải vì tò mò về một tác giả mà tôi đã đọc nhiều và yêu thích, nhưng để hình tượng hóa khung cảnh sản sinh những tác phẩm có sức rung cảm tuyệt vời của một nhà văn mà tôi đã gọi là “đặc sản miền Nam”.

1. Tiến sĩ Trần Hữu Dũng là giáo sư Kinh tế Đại học Wright State, Ohio, Mỹ.

Xe chuyển bánh từ giữa lòng bóng tối, lòa nhòa ánh đèn vàng của Sài Gòn còn ngái ngủ, vào ngoại ô trong sương lúc bình minh, qua những địa danh quen thuộc của tuổi trẻ tôi: Bến Lức, Tân An, Ngã ba Trung Lương, Cái Bè, Cai Lậy, Cầu Mỹ Thuận, Vĩnh Long (Chẳng biết người tôi quen hơn bốn mươi năm trước bây giờ ở đâu?), Cần Thơ, và những nơi có thể tôi đã qua nhưng không còn nhớ: Sóc Trăng, Bạc Liêu. Càng xa Sài Gòn, đường càng xấu, khủng khiếp nhất là đoạn từ Bạc Liêu đến Cà Mau.

Và rồi khoảng ba giờ chiều hôm ấy, dưới ánh nắng vừa hực lại sau một thoáng mưa to, bèn về đường vào thị xã Cà Mau, một người trẻ (tôi còn nhớ đã thốt thảm: trời, sao trẻ vậy!) như nữ sinh trung học, quay xe Dream ngừng lại cúi chào tôi. Nguyễn Ngọc Tư.

Suốt buổi chiều hôm ấy tôi trò chuyện nhiều với Tư, dùng cơm tối với Tư và ba Tư. Sáng hôm sau đi ăn cháo cá với Tư (và, cao điểm của đời tôi: được Nguyễn Ngọc Tư chở Honda vòng quanh thành phố Cà Mau), về nhà (cũng là cửa hàng) của vợ chồng Tư, lại nhà ba má Tư ăn trưa với cả gia đình. Rồi chia tay, tôi trở lại thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi sẽ không nói về Tư nhiều hơn nữa bởi vì, tôi phát giác, Nguyễn Ngọc Tư mà tôi gặp chính là Nguyễn Ngọc Tư mà mọi người đều có thể biết rõ qua các bút ký của cô, và Cà Mau mà tôi đến là Cà Mau trong tất cả những gì Tư viết.

Đó là một người phụ nữ rất trẻ, dung dị, bình thường, nhưng kiên cường và bản lĩnh.

Tư sống gần ba má, anh chị. Từ thể hệ nội, ngoại, cả gia đình của Tư đều là bộ đội trong chiến tranh chống Mỹ. Chị và anh của Tư sinh ra trong chiến khu trước hòa bình, còn Tư thì sinh ra ở Bạc Liêu (năm 1976, nhưng không ai nhớ ngày nào, chỉ nhớ đêm ấy trời không trăng, tốiมืด) rồi về sống ở Cà Mau từ hồi bốn tuổi. Ngoài đời, Nguyễn Ngọc Tư mà tôi đã gặp rõ ràng là Tư của *Lời cho má*, *Sân nhà*, *Tấm sóng*, *Chơi một mình*, *Một mái nhà*, *Nguyệt – người bạn không biết viết văn*, *Cửa sau*. Và Cà Mau mà tôi thấy chính là chợ (hãy đọc lại *Chút tình sông nước*), là sông, là xóm làng (*Đất Mũi mù xa*, *Nhớ đất*, *Tháng Chạp ở rạch Bọt Trời*) trong bút ký Nguyễn Ngọc Tư.

Song tôi phải nói, đến Cà Mau, tôi mới thấy rõ hơn sự gắn bó của Nguyễn Ngọc Tư với con người, với đời sống, với đất nước quanh cô. Bối cảnh gia đình cho Nguyễn Ngọc Tư một cái nhìn mà tôi ít thấy ở ai khác. Đó là cái nhìn thật trưởng thành nhưng của một người rất trẻ. Đó là cái nhìn của kẻ đã sống qua máu lửa, chứng kiến lắm đau thương, nhưng với con mắt vô tư của một người sinh ra khi đã hết chiến tranh. Đó là cái nhìn của một gia đình chân chất và trầm lặng, hãnh diện đã làm tròn nhiệm vụ đấu tranh cho đất nước, không chút nghi ngờ tương lai của dân tộc, nhưng chẳng có ảo tưởng nào về những mặt bất toàn của hiện tại. Đó là những người bị thiên tai liên miên vùi dập (*Chờ đợi những mùa tôm*, *Đi qua những cơn bão khô*, *Ngậm ngùi Hưng Mỹ*), nhưng bao giờ rồi cũng đứng lên và xây dựng lại. Đó là những người nặng tình với công lý,

song không phải là thứ công lý khô khan, quyết liệt của kẻ bị áp bức, bóc lột thời bị trị, mà là thứ công lý đầy nhân ái, giận nhưng không oán, trách nhưng không thù (*Một giấc mơ, Kính thưa anh nhà báo, Làm cho biết, Tản mạn quanh... cái cống*).

Và, đến Cà Mau, tận mắt nhìn sông, nhìn chợ, tận tai nghe tiếng gà gáy sớm, tiếng máy ghe bình bịch sau nhà Tư, rồi nhớ lại những bút ký của Tư (mà hầu như tôi nhớ hết!), tôi thêm một ý nghĩ: nếu là nhà làm phim, Nguyễn Ngọc Tư sẽ rất tài tình. Bạn hãy đọc, hoặc đọc lại, một sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư (tỷ như *Bến cũ*), rồi trả lời giùm: đó là phim hay truyện? Những chi tiết trong đó làm người đọc thần thờ, nhưng sao ấy, chúng không tũn mủn tẩn mẩn, mà sáng và vui. Cái nhìn của cô trong *Chút tình sông nước* đúng là một cái nhìn “điện ảnh”: những gam màu thật tươi, những “cận cảnh” bất ngờ, song đôi mắt nhà văn ấy không bị vướng cái rề rề cơ động, cái xoay chuyển chậm chạp của máy quay phim, mà gần hơn với cái tung tăng của một con bướm nhỏ. Cảnh và người, lạ mà thân, xa mà gần, náo hoạt mà tĩnh yên, và đầy lòng thương mến. Nguyễn Ngọc Tư cho biết cô hay nghe nhạc khi viết, và tôi không ngạc nhiên. Đúng là văn của cô nghe như nhạc. Nhiều truyện của cô gần như một bài vọng cổ (hay một thứ ballad, nếu nói cách kiêu kỳ) hơn bất cứ gì khác. Và, như bài vọng cổ, chúng thường là những chuyện buồn, đôi khi rất buồn, kết thúc bằng một nốt trầm, một sự lửng lơ.

Có thể hình dung phần lớn cuốn-phim-bút-ký của

Nguyễn Ngọc Tư như một con thuyền vượt sóng: một bên là những rộn ràng sống động của sinh hoạt đời thường, một bên là những đòi hỏi (rất nghiêm trang và chính đáng) cho công lý.

Nguyễn Ngọc Tư là tiêu biểu của thế hệ Việt Nam mới, sinh ra sau thống nhất, trong thanh bình, nhưng luôn quý trọng những hy sinh, và hãnh diện chấp nhận kế thừa những người mang lại thống nhất và thanh bình ấy. Hãnh diện với quá khứ và xông vai tiếp tục đi tới. Những người như Nguyễn Ngọc Tư cực khổ mà không than phiền. Đầu đó trong nụ cười e thẹn (và rất xinh!) của cô là sự trong sáng của một tuổi trẻ hầy còn đây. Ở Nguyễn Ngọc Tư là phong cách ngoan hiền nhưng kiên quyết, cuộc sống giản đơn nhưng thấp thoáng một nội tâm phức tạp và bí ẩn (những lúc có chột im lặng giữa câu chuyện, con mắt trở nên đăm chiêu, làm tôi giật mình). Nguyễn Ngọc Tư thường ví truyện của mình như trái sầu riêng: nhiều người rất thích nhưng cũng có người lại dị ứng. Tôi đã cự với Tư về cách ví von này bởi vì, theo tôi, văn của Tư không chỉ là một trái nẩy hay quả nọ, mà là cả hàng chục, hàng trăm loại trái cây, hoa quả. Nhìn cánh chợ Cà Mau, tôi tin là tôi đúng hơn Tư. Xin lỗi nha Tư!

Tôi hỏi Nguyễn Ngọc Tư có cảm thấy cô lập trong đời văn không (nhớ rằng Cà Mau dù gì cũng là hơi xa đông đảo những người viết khác) thì Tư lại bảo nếu không còn làm ở chỗ hiện tại (Hội Văn học Nghệ thuật Cà Mau) cô muốn sẽ về công tác ở một Hội Nông dân ở vùng xa, vùng sâu hơn nữa, nơi không

ai sẽ biết cô là nhà văn nhà báo (ít ra trong vài tháng đầu, cô nói đùa) để cô biết thêm về đời sống của họ. Nguyễn Ngọc Tư là như thế đấy.

Khi trao tặng Tư một quyển biên khảo mà tôi có tham gia, nhìn tay cô loáng thoáng lật nhanh trang giấy, tôi chợt nhớ chỉ vài năm trước đây chính bàn tay nhanh nhẹn ấy còn hái rau để má đem ra chợ bán mỗi sáng. Bàn tay hái rau, nấu cơm, rồi lật sách và cầm bút! Những chuyển biến gần như huyền thoại của một phụ nữ dám đương, một tài năng thiên phú. Có điều tôi hơi hổ thẹn là ngồi với Tư, tôi lại nói nhiều hơn Tư! Nếu tôi là người nổi tiếng thì Tư có thể viết một bút ký “Gặp Trần Hữu Dũng ở Cà Mau” tiết lộ những “tâm sự” của tôi, chắc tôi phải độn thổ!

Vậy bạn đừng quên tôi, nghe nói đi Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư mà sao không kể gì về Cà Mau, không kể gì về cô Tư hết vậy? Bởi vì, cà-mau ở đây chính là sự bình dị của hàng trăm tỉnh làng trên mọi miền đất nước. Những tỉnh làng không hoành tráng, không nhiều danh lam thắng cảnh, thưa khách tham quan, và nghèo, nhưng là cái nôi, cái nguồn của sức sống dân tộc. Bởi vì, Nguyễn-ngọc-tư ở đây là hình ảnh một phụ nữ miền Nam như rất nhiều phụ nữ khác, không phải là một trong “mười khuôn mặt tiêu biểu năm 2003” (dù có có là), một người đàn bà còn rất trẻ, không son phấn, bận bịu chồng con, chăm lo ba má, quần quật công việc cơ quan, và sáng tác. Và chuyến đi Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư của tôi là một cuộc trở về (vì tôi đã lớn lên ở đó) với ruộng vườn miền Nam

ruột thịt, một cuộc viếng thăm (vì lại phải ra đi) những đứa em, đứa cháu, những bà con và bè bạn (mới và cũ) đang sống nơi ấy, vui, buồn, gian nan và thành đạt, nhưng trong tất cả là khí tiết của quê hương.

Dayton, ngày 23.8.2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập:
TRẦN NGỌC SINH

Bìa:
BÙI NAM
Ảnh bìa:
HOÀNG THÊM

Sửa bản in:
AN SAN
Kỹ thuật in:
THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh
ĐT: 9.316289 - 9.317849 - 9.316211 - 9350973
Fax: (08) 8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NXB TRẺ tại HÀ NỘI
Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh - Q. Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (04) 7734544 - Fax: (04) 7734544
E-mail: vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

Khổ 14 x 20cm, Số 84-2006/CXB/130-09/ĐKKH/Tre Quyết định xuất bản số: 313A/QĐ-Tre, ngày 27 tháng 02 năm 2006. In 3.000 cuốn, tại Nhà in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu - Q. PN-TP.HCM. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2006.



"Tôi không mê cái lương. Tôi chỉ thích thú với nghiệp của người nghệ sĩ. Họ có thể sống nhiều cuộc đời, nhiều vai diễn khác nhau. Còn tôi, hình dáng buồn cười, thô mộc, quê mùa, không trau chuốt. Hai mươi bảy tuổi vẫn yêu, vẫn tin rằng cuộc đời này màu hồng (mà tới một cái tuổi nào sẽ thấy nó đen thui) nên vẫn thích viết về những người tốt. Có điều những người đó sẽ không sung sướng vì tôi nghĩ, tốt mà được đền đáp thì người đời rủ nhau đi sống tốt hết rồi".

NGUYỄN NGỌC TƯ



Tap van - Nguyễn Ngọc Tư



Giá: 26.000 đ